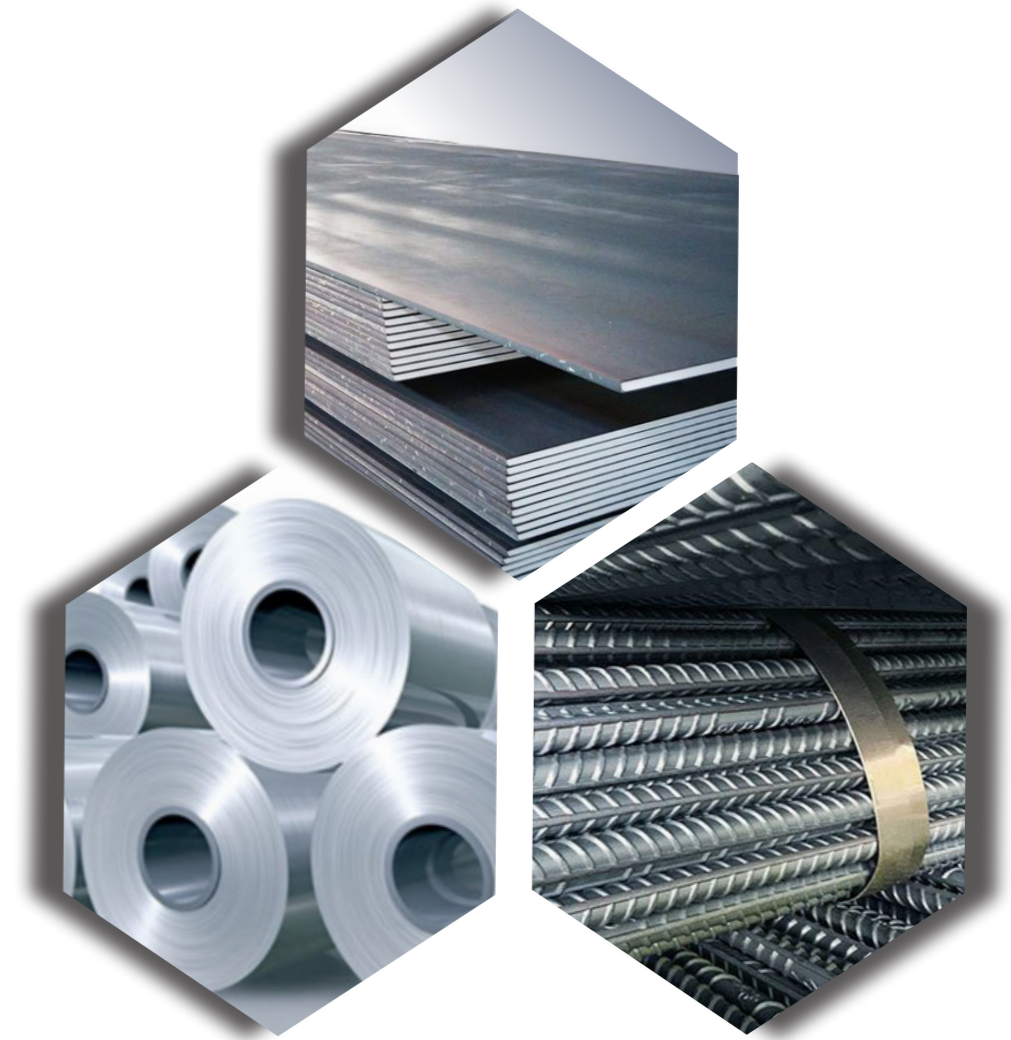


# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL

Địa chỉ: 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (028) 3829.4623  
Fax: (028) 3829 0403  
Website: <https://metalhcm.com.vn/vi/>  
Email: [kimkhitp@metalhcm.com.vn](mailto:kimkhitp@metalhcm.com.vn)

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL

# MỤC LỤC

## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	7
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
Thông tin về mô hình quản trị	10
Định hướng phát triển	11
Các rủi ro	12

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	17
Tổ chức nhân sự	21
Tình hình đầu tư thực hiện dự án	34
Tình hình tài chính	35
Tình hình cổ đông thay đổi vốn chủ sở hữu	40
Trách nhiệm với môi trường cộng đồng	41

## BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	45
Tình hình tài chính	47
Những cải tiến trong năm về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	49
Kế hoạch phát triển trong tương lai	50

## BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	55
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	55
Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban điều hành	56
Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị	56

## BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	59
Các nghị quyết / quyết định trong năm	60
Ban Kiểm soát	61
Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát	63

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

Báo cáo tài chính đã kiểm toán	65
--------------------------------	----

# THÔNG TIN CHUNG

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên giao dịch</b>	: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – VNSTEEL</b>
<b>Tên tiếng Anh</b>	: <b>VNSTEEL - HOCHIMINH CITY METAL CORPORATION</b>
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số</b>	: Số 0300399360 được cấp lần đầu ngày 27/12/2005 và thay đổi lần thứ 13 vào ngày 01/10/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp
<b>Vốn điều lệ</b>	: 210.000.000.000 đồng
<b>Địa chỉ</b>	: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
<b>Số điện thoại</b>	: (028) 3829 4623
<b>Số fax</b>	: (028) 3829 0403
<b>Website</b>	: <a href="https://metalhcm.com.vn/vi/">https://metalhcm.com.vn/vi/</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	: HMC

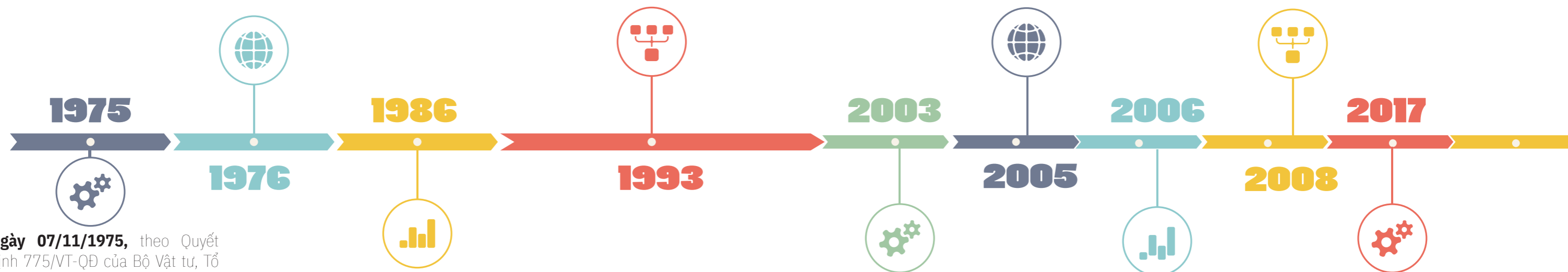


**Ngày 04/11/1976**, theo Quyết định số 827/VT-QĐ Công ty Kim khí miền Nam được đổi tên thành Công ty Kim khí Khu vực II.

**Ngày 28/05/1993**, theo Quyết định số 595TM/TCCB của Bộ Thương mại thì Công ty Kim Khí TP. Hồ Chí Minh là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Kim khí - Bộ Thương mại.

**Ngày 07/09/2005**, Công ty đã nhận được quyết định số 2841/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Kim Khí TP. Hồ Chí Minh thành Công ty cổ phần Kim Khí TP. Hồ Chí Minh với vốn đăng ký kinh doanh là 158.000.000.000 đồng.

**Ngày 16/05/2008**, Công ty niêm yết bổ sung 5.200.000 cổ phiếu từ đợt phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Vốn điều lệ Công ty sau khi niêm yết bổ sung là 210 tỷ đồng.



**Ngày 07/11/1975**, theo Quyết định 775/VT-QĐ của Bộ Vật tư, Tổ chức quản lý Cung ứng Vật tư Kỹ thuật miền Nam được thành lập, là tiền thân của Công ty cổ phần Kim Khí TP. Hồ Chí Minh – VNSTEEL.

**Ngày 01/01/1986**, Công ty Kim khí Khu vực II được đổi tên thành Công ty Kim Khí TP. Hồ Chí Minh theo quyết định số 746/VT-QĐ.

**Ngày 12/11/2003**, Bộ Công nghiệp ra quyết định số 183/2003/QĐ-BCN về việc sáp nhập Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp vào Công ty Kim Khí TP. Hồ Chí Minh và vẫn giữ nguyên tên giao dịch là Công ty Kim Khí TP. Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam.

**Ngày 21/12/2006**, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, số cổ phiếu niêm yết là 15.800.000 cổ phiếu. Mã chứng khoán là HMC.

**Ngày 17/01/2017**, Công ty cổ phần Kim Khí TP. Hồ Chí Minh công bố thông tin về việc đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần Kim khí Thành Phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL.

**Ngày 30/12/1975**, Tổng Cục trưởng Tổng Cục kỹ thuật Vật tư miền Nam đã ra quyết định số 517/VT-QĐ về việc tách Công ty Kim khí - Thiết bị Phụ tùng thành hai công ty: Công ty Kim khí miền Nam và Công ty Thiết bị miền Nam.

## CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

STT	Năm	Hình thức khen thưởng	Thành tích	Quyết định số	Ngày ra quyết định
1	1995	Huân chương lao động hạng 3	Xuất sắc trong công tác từ năm 1990 đến 1994	467KT/CTN	25/05/1995
2	2006	Bằng khen của Bộ Công Nghiệp	Xuất sắc trong phong trào thi đua 2006	24/QĐ-BCN	02/01/2007
3	2007	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2005 đến 2007	732/QĐTTg	09/06/2008
4	2010	Huân chương lao động hạng 2	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2006 đến 2010.	2194/QĐ-CTN	24/11/2011
5	2011	Cờ Thi đua của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2011.	01/QĐ-BCT	03/01/2012
6	2012	Bằng khen của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2012.	76/QĐ-BCT	07/01/2013
7	2013	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác	1741/QĐ-TTg	25/09/2013
8	2014	Bằng khen của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong công tác năm 2014	11989/QĐ-BCT	30/12/2014
9	2016	Bằng khen của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong công tác năm 2016	3134/QĐBCT	31/10/2017

## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh kim khí (Kim loại đen, kim loại màu); vật tư thứ liệu; phế liệu; sản phẩm kim loại và các loại vật tư khác. Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty trong những năm vừa qua chủ yếu là mặt hàng thép như: thép tấm, lá chính phẩm; thép tấm, lá sai quy cách, thép hình, thép xây dựng, phế liệu....

Sản xuất, gia công, chế biến các sản phẩm kim khí và tổ chức các hoạt động dịch vụ, phục vụ kinh doanh.

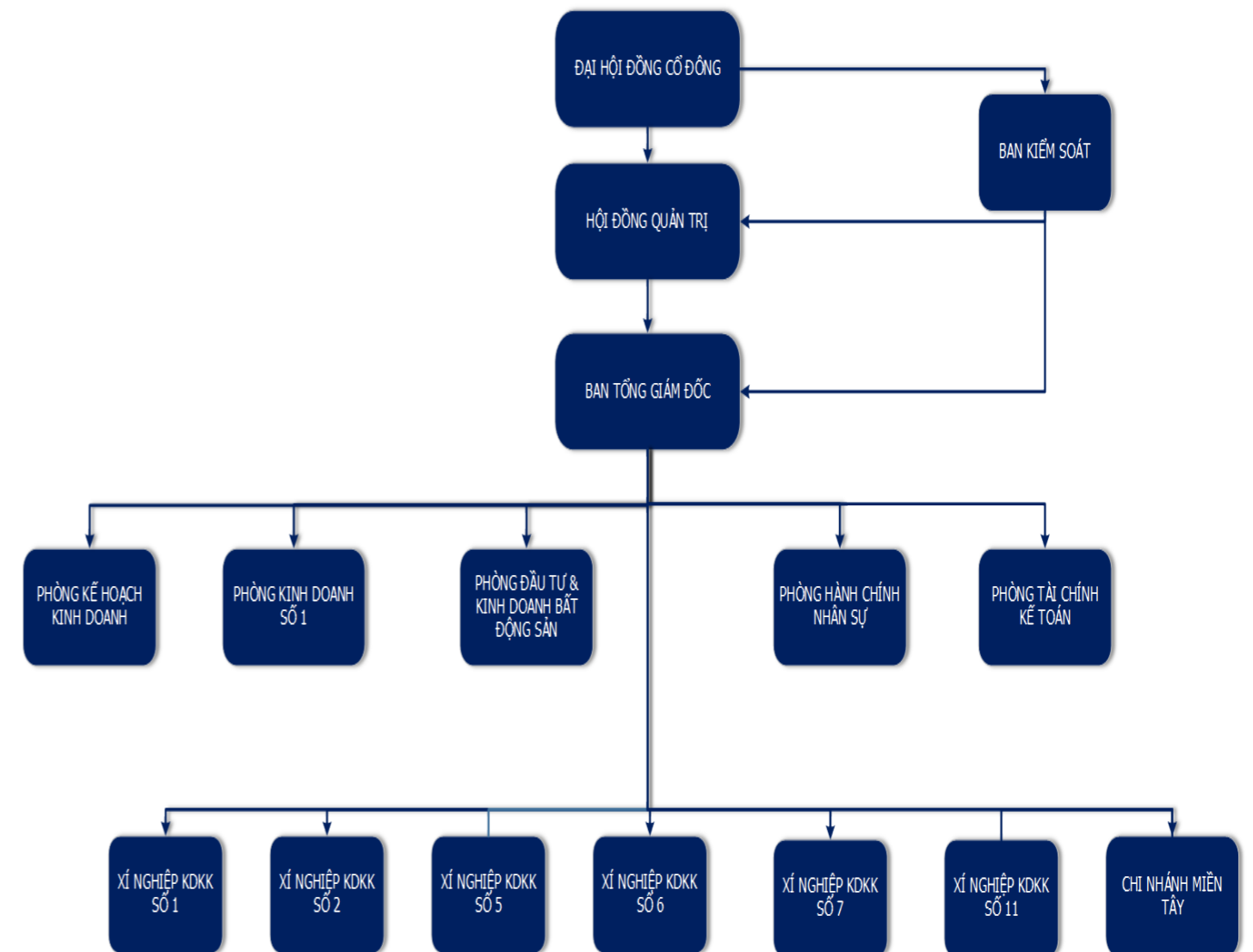
Dịch vụ: Cho thuê kho bãi, cho thuê văn phòng

Xuất nhập khẩu các mặt hàng: kim khí; vật tư thứ liệu; phế liệu; sản phẩm kim loại.

### Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là các nước như Hồng Kông, Myanmar, Campuchia...

## THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Công ty con, công ty liên kết: Không có

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



## Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Định hướng phát triển của Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL là xây dựng hệ thống thương mại hiện đại, cung cấp dịch vụ hoàn hảo, bảo đảm thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.

## Các mục tiêu đối với cộng đồng, xã hội và môi trường



### Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội:

Công ty có nhiều chính sách phù hợp cho nhân viên của mình (chế độ làm việc, nghỉ phép, lễ, Tết, điều kiện làm việc, chế độ lương thưởng) và cam kết tạo điều kiện cần thiết và thưởng xứng đáng để nhân viên phát huy hết khả năng của mình.

Ngoài việc tạo nhiều việc làm thông qua quá trình tuyển dụng, toàn thể Công ty hiểu rằng phụng sự xã hội và chia sẻ với cộng đồng là trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. HMC vẫn sẽ tiếp tục đồng hành cùng những dự án cộng đồng, xã hội và nỗ lực tạo ra những sản phẩm có giá trị cao để phục vụ tốt hơn nhu cầu của xã hội.

### Trách nhiệm đối với môi trường:

Toàn thể Công ty đã cố gắng, nỗ lực rất nhiều trong công tác bảo vệ môi trường, thông qua các hoạt động

tuyên truyền, giáo dục, các dự án đầu tư nâng cấp cải tạo, các sáng kiến và giải pháp kỹ thuật để cải tiến quy trình công nghệ, với mục tiêu làm cho môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp hơn.

Trong bảo vệ môi trường, phải lấy phòng ngừa ô nhiễm làm phương châm hành động, khắc phục và loại bỏ tư tưởng chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt mà coi nhẹ việc duy trì, bảo vệ và tái tạo môi trường.

Phát triển bền vững và bảo vệ môi trường đang trở thành yêu cầu bắt buộc với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và HMC nói riêng. Ban Lãnh đạo trong những năm qua đã không ngừng huy động tối đa và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, phát huy tính sáng tạo của người lao động trong việc hợp lý hóa sản xuất cải thiện môi trường.



## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

### Công ty hiện hoạt động kinh doanh trên nhiều lĩnh vực:

- Kinh doanh kim loại nhập khẩu: phần đầu mỗi năm tăng trưởng từ 5% đến 10%.
- Kinh doanh hàng thép xây dựng: phần đầu mỗi năm tăng trưởng 10% trong đó tỷ trọng cung cấp vào công trình trọng điểm là trên 50%.
- Xuất khẩu: phần đầu chiếm 10% sản lượng kinh doanh.
- Văn phòng cho thuê: phần đầu tỷ lệ cho thuê luôn trên 95% diện tích.

# CÁC RỦI RO

## Rủi ro kinh tế

Dịch bệnh Covid-19 đã tác động nghiêm trọng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2020. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 của thế giới -4,4%. Tuy nhiên, Việt Nam là một trong số ít các quốc gia trên thế giới và là quốc gia duy nhất trong khu vực ASEAN đạt tăng trưởng dương. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam năm 2020 tăng trưởng 2.91% so với năm 2019. Các ngành sử dụng nhiều sắt thép như bất động sản, xây dựng vẫn tiếp tục đối mặt với một năm khó khăn khi dịch bệnh Covid-19 tác động tiêu cực làm ảnh hưởng đến thu nhập của người dân, khách hàng. Điều này đã làm lực cầu thị trường bất động sản suy yếu từ đó trực tiếp ảnh hưởng đến nhu cầu sắt-thép trong nước. Năm 2020, Chính phủ đã tìm cách thúc đẩy kinh tế thông qua các chính sách tài khóa và tài chính. Trong đó, Chính phủ đẩy mạnh gia tăng đầu tư công, giải ngân vốn xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm đưa nền kinh tế thoát khỏi suy thoái do Đại dịch Covid-19 gây ra, làm cho nhu cầu nguyên vật liệu xây dựng trong nước đã tăng trở lại vào nửa cuối năm 2020 và sẽ còn có khả năng tăng trong thời gian tới. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh vẫn có thể tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến kinh tế thế giới và Việt Nam. Doanh nghiệp cần phải liên tục cập nhật những biến động mới nhất của nền kinh tế để từ đó có những bước đi phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực từ rủi ro kinh tế.

## Rủi ro tỷ giá

Công ty có giao dịch bằng Đô la Mỹ. Vì vậy những biến động của cặp tỷ giá USD/VND là một rủi ro quan trọng mà Công ty cần phải đề phòng. Tỷ giá USD/VND liên tục giảm mạnh kể từ cuối tháng 5/2020 đến nay. Theo đó, tỷ giá trung tâm đã giảm từ 23,271 đồng/USD ngày 28/5 xuống còn 23,060 đồng/USD. Trong khi đó, giá mua - bán USD tại các ngân hàng thương mại cũng giảm gần 100 đồng/USD trong thời gian này xuống còn 23,060/23,260 đồng. Ngày 16/12/2020, Bộ Tài chính Mỹ đã đưa Việt Nam vào danh sách các quốc gia thao túng tiền tệ, điều này có thể ảnh hưởng đến cán cân thanh toán giữa hai nước trong tương lai. Bên cạnh đó, tổng thống Mỹ mới đắc cử Joe Biden có thể sẽ tiếp tục chính sách bảo hộ sản xuất nội địa. Do đó, một số ngành xuất khẩu của Việt Nam vẫn sẽ chịu tác động nhất định vì Mỹ sẽ sử dụng cáo buộc thao túng tiền tệ làm cơ sở để bảo hộ cho các ngành sản xuất của họ.

Trong năm 2021, đồng USD sẽ có nhiều biến động do diễn biến phức tạp của các sự kiện chính trị trên thế giới và chính sách tài chính mở rộng chưa từng có của Mỹ trong lịch sử có thể làm đồng USD diễn biến khó lường nên Công ty cần phải liên tục theo dõi các biến động về tỷ giá để đưa ra những hướng đi có lợi nhất cho doanh nghiệp.

## Rủi ro lãi suất

Trong năm 2020, lãi suất huy động vốn ở Việt Nam giảm mạnh, phổ biến từ 3-5%/năm đối với khoản tiền gửi ngắn hạn. Tuy nhiên, lãi suất cho vay ở Việt Nam giảm chậm và vẫn ở mức cao 7-10%/năm. Trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn và điều kiện kinh doanh chưa mấy được cải thiện, các ngân hàng vẫn còn e ngại rủi ro tín dụng, điều này đặt ra những thách thức và khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn vay để tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với riêng HMC, trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty có đến hơn 40% là vay tài chính. Do đó, bất cứ một biến động nhỏ về lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Hơn nữa, đặc thù của hoạt động kinh doanh thép là lợi nhuận rất thấp, nên khi lãi suất tăng cao sẽ làm chi phí lãi vay tăng cao, giảm biên lợi nhuận của Công ty. Vì thế, Công ty cần phải liên tục theo dõi những biến động của lãi suất cho vay để từ đó kịp thời đưa ra những điều chỉnh về cơ cấu nguồn vốn, giảm thiểu tối đa những tác động từ rủi ro về lãi suất.

## RISK





### Rủi ro biến động giá

Đặc thù của ngành thương mại thép là giá nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng rất cao trong cơ cấu giá vốn hàng bán. Với những sản phẩm thép của HMC, giá vốn hàng bán đã chiếm đến hơn 95% giá sản phẩm. Do đó, khi giá nguyên vật liệu đầu vào chỉ cần biến động nhỏ cũng sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ảnh hưởng của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã làm cho nguồn thép Trung Quốc xuất khẩu sang Mỹ phải dịch chuyển sang những quốc gia khác, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, các tập đoàn sản xuất thép lớn trong nước như Hòa Phát, Hoa Sen, Nam Kim,... tiếp tục đưa vào hoạt động những khu liên hợp mới, làm cho nguồn cung thép trong nước tăng. Ngược lại nguồn cầu thép trong nước lại có xu hướng giảm xuống do ảnh hưởng từ tình hình ảm đạm của các ngành liên quan như xây dựng, bất động sản cộng với việc khó khăn trong khâu xuất khẩu sang thị trường Mỹ hay các nước Châu Âu.

Bước sang năm 2021, tình hình dịch bệnh vẫn có thể tiếp tục diễn biến khó lường làm chậm quá trình phục hồi kinh tế của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam. Do đó, Công ty cần phải liên tục theo dõi những biến động mới nhất, từ đó đưa ra những kế hoạch hoạt động phù hợp với từng thời kỳ, ổn định được nguồn cung và cầu.

### Rủi ro tín dụng

Công ty áp dụng thực hiện chính sách bán hàng trả chậm đối với các nhóm khách hàng. Với vị thế khách hàng, chính sách tín dụng mang lại lợi ích giúp giảm áp lực thanh toán hàng hóa ngay. Tuy nhiên, với vị thế là nhà cung cấp, tín dụng bán hàng luôn tạo rủi ro khi các đối tác mất khả năng trả nợ. Để phòng ngừa rủi ro này, Công ty cho phép các đối tác mua hàng trả chậm trên cơ sở lập hồ sơ về năng lực của họ, căn cứ vào các yếu tố khảo sát về năng lực tài chính, khả năng tiêu thụ, uy tín để định hạn mức nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại phát sinh trong quá trình thực hiện. Định kỳ đánh giá lại năng lực tài chính, uy tín của khách hàng, đối tác nhằm có chính sách thu hồi nợ thích hợp, áp dụng nhiều chính sách bán hàng trả chậm khác nhau cho từng loại đối tượng khách hàng.

### Rủi ro về pháp luật

Là một Công ty cổ phần và niêm yết tại Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh, các hoạt động kinh doanh của Công ty đều chịu sự điều tiết pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp (2020), Luật Chứng khoán (2019) chính thức có hiệu lực vào ngày 01/01/2021, Luật Thuế, Luật Thuế xuất nhập khẩu và các quy định khác liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty. Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện tại đang dần hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách là khó tránh khỏi khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác hoạch định chiến lược dài hạn của Công ty. Ví dụ điển hình là Nhà nước đã ban hành nhiều biện pháp thuế chống bán phá giá, thuế tự vệ dành cho các mặt hàng thép được nhập khẩu vào thị trường Việt Nam để bảo hộ ngành thép trong nước trước làn sóng thép xuất xứ từ Trung Quốc. Tuy nhiên đây là một bất lợi đối với các công ty thương mại hàng nhập khẩu như HMC khi không còn nhiều sự lựa chọn sản phẩm với mức giá cạnh tranh, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Do đó, HMC luôn có sự tìm hiểu, cập nhật các văn bản quy phạm nhằm tuân thủ các quy định pháp luật và có định hướng phát triển trung và dài hạn phù hợp.

### Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, còn nhiều rủi ro mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như hỏa hoạn, bão lụt, các thiên tai khác... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty. Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó như: tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch và mở các lớp huấn luyện phòng cháy chữa cháy cho công nhân viên cũng như người dân,... nhằm nâng cao ý thức, giảm thiểu thiệt hại về người và của.



**TÌNH HÌNH HOẠT  
ĐỘNG TRONG NĂM**



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Tình hình thị trường thép Thế giới

Năm 2020 là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế toàn cầu. Đại dịch Covid-19 bùng phát đã làm thay đổi hầu hết các kịch bản kinh tế của các quốc gia trên thế giới, cũng như đảo lộn các dự báo triển vọng về ngành thép.

Đại dịch Covid-19 trong đầu năm nay đã làm giảm nhu cầu ở hầu hết các thị trường. Các quốc gia rơi vào tình trạng đóng cửa, sản xuất thép trì trệ. Tiếp sau đó là sự mất cân đối giữa cung và cầu thép.

- Trong các tháng đầu năm 2020, dịch Covid-19 đã khiến Brazil, quốc gia xuất khẩu quặng sắt hàng đầu thế giới phải đóng cửa các mỏ quặng lớn, dẫn đến nguồn cung quặng sắt toàn cầu đột ngột giảm mạnh. Điều này đã khiến giá quặng sắt thị trường thế giới và hàng hóa thay thế là thép phế tăng một cách nhanh chóng.
- Kể từ cuối tháng 6/2020 đến hết năm, nhu cầu thúc đẩy đầu tư xây dựng từ Chính phủ Trung Quốc đã khiến quốc gia này tăng nhanh nhu cầu các sản phẩm thép. Theo Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin Trung Quốc (MIIT), nhập khẩu thép của Trung Quốc lũy kế 10 tháng đầu năm 2020 tăng 73,9% so với cùng kỳ năm trước, lên hơn 17 triệu tấn. Trong khi đó, xuất khẩu thép của Trung Quốc lũy kế 10 tháng đầu năm 2020 giảm 19,3% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 44,4 triệu tấn. Điều này cũng đã tác động tăng giá đến hầu hết các sản phẩm thép trong khu vực các nước Châu Á.
- Đến thời điểm đầu tháng 12/2020 giá quặng sắt 62% và thép phế tại Đông Á lần lượt ở mức 137 USD/tấn và 380 USD/tấn, tăng 46% và 28% so với thời điểm đầu năm.

Giá sắt, thép toàn cầu đã kết thúc một năm bất thường ở mức cao và phần lớn đã tăng có khả năng tiếp tục kéo dài đến nửa đầu năm 2021. Trong 6 tháng đầu năm 2021 trước nhu cầu thép tại Trung Quốc, Ấn Độ, Châu Âu và Mỹ được kỳ vọng tiếp tục ở mức cao nhờ hoạt động đầu tư phát triển từ Chính phủ và nhu cầu bất động sản tăng cao nhờ duy trì lãi suất thấp, giá bán các sản phẩm thép tại các kỳ hạn hợp đồng tương lai vẫn chưa cho thấy các tín hiệu hạ nhiệt trong ngắn hạn.

## Tình hình thị trường thép trong nước

### Tiêu thụ sản phẩm thép

Lũy kế 11 tháng đầu năm 2020, tổng sản lượng tiêu thụ (SLTT) các sản phẩm thép toàn ngành đạt 21,2 triệu tấn, giảm 1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- SLTT các sản phẩm thép xây dựng ghi nhận giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước, thép cán nguội và thép cán nóng 2,9% so với cùng kỳ năm trước ảnh hưởng từ thị trường xây dựng trong nước bắt đầu diễn biến chậm từ năm 2019. Sang năm 2020, Covid-19 càng làm chậm sự phục hồi nguồn cung và tiến độ xây dựng các dự án bất động sản.
- SLTT sản phẩm thép ống ghi nhận sự tăng trưởng nhẹ 5,8% Cùng kỳ so với năm trước nhờ hoạt động xuất khẩu cải thiện đáng kể trong nửa cuối 2020.

### Nhập khẩu

Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu thép đạt 11,28 triệu tấn với trị giá trên 6,6 tỷ USD, lần lượt giảm 7% về lượng và 17% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Ngày 20/03/2020, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 918/QĐ-BCT gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài đến 23/03/2023.

Trong ngắn và trung hạn việc gia hạn thuế tự vệ lên phôi thép và thép dài kết hợp với chi phí vận chuyển khoảng 5-8 USD/tấn phôi thép giúp các doanh nghiệp sản xuất thép dài Việt Nam vẫn giữ được rào cản an toàn đối với nhập khẩu từ các quốc gia Trung Quốc, Indonesia và Malaysia.

### Xuất khẩu

Trong 10 tháng đầu năm 2020, Việt Nam xuất khẩu thép đạt 7,99 triệu tấn, với trị giá đạt 4,19 tỷ USD. Trong đó, sản lượng thép của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc đã tăng 19 lần trong 9 tháng đầu năm, đạt 2,53 triệu tấn.

Đại dịch Covid-19 đã khiến áp lực cạnh tranh từ thép nhập khẩu của Trung Quốc giảm đáng kể thậm chí xuất khẩu vào thị trường này còn tăng đột biến do nhu cầu tiêu thụ nội địa của quốc gia này tăng mạnh trong khi nguồn cung chưa thể gia tăng ngay để đáp ứng.

Xuất khẩu trong năm 2020 ngành thép Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn hơn so với năm 2019 khi có thêm 5 quốc gia đang thực hiện điều tra chống bán phá giá lên sản phẩm tôn mạ và ống thép Việt Nam, trong đó có 2 quốc gia trong khu vực thị trường chính Đông Nam Á là Malaysia và Philippines.

Bên cạnh đó, do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 khiến hoạt động xây dựng thị trường xuất khẩu và việc giao thương, vận chuyển giữa các quốc gia gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt, tại Indonesia, một trong những thị trường khá quan trọng của mảng thép dẹt Việt Nam, do một số rủi ro khách quan từ dịch Covid, các doanh nghiệp xuất khẩu trong nước không có được giấy phép nhập khẩu. Do đó, các doanh nghiệp thép Việt Nam không thể xuất khẩu sang quốc gia này từ đầu năm đến thời điểm tháng 7/2020.

Tuy nhiên hoạt động xuất khẩu đã có nhiều cải thiện trong Q4/2020, khi hoạt động giao thương giữa các quốc gia dần được nối lỏng.



**Cơ cấu doanh thu thuần**

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng	4.427.787	98,53%	3.562.626	98,12%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.170	1,47%	68.309	1,88%
<b>Tổng</b>	<b>4.493.957</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.630.935</b>	<b>100,00%</b>

Trong năm 2020, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 3.631 tỷ đồng, giảm 19,20% so với năm 2019. Trong đó cơ cấu doanh thu HMC duy trì ổn định không có nhiều biến động, doanh thu từ bán hàng chiếm 98,12% đạt giá trị 3.563 tỷ đồng, giảm 19,53% so với năm trước. Nguyên nhân chính làm cho doanh thu bán hàng năm 2020 suy giảm so với 2019 là do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã làm ngưng trệ hoạt động sản xuất kinh doanh, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, từ đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn cung nguyên liệu cũng như nhu cầu tiêu thụ của thị trường. Bên cạnh đó, doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận tăng trưởng trong năm 2020 đạt 68,3 tỷ đồng tăng 3,23% so với năm 2019. Mặc dù trong tình hình dịch bệnh, kinh tế khó khăn nhưng Công ty vẫn đảm bảo tỷ lệ lấp đầy các văn phòng và kho bãi cho thuê.

**Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm**

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Thép nhập khẩu</b>	<b>1.869.979</b>	<b>42,23%</b>	<b>911.313</b>	<b>25,57%</b>
Kim khí chính phẩm	1.424.100	32,16%	645.894	18,13%
Vật tư thứ liệu (SQC)	445.879	10,07%	265.419	7,44%
<b>Thép xây dựng</b>	<b>1.200.325</b>	<b>27,11%</b>	<b>1.086.977</b>	<b>30,51%</b>
<b>Phôi, phế liệu</b>	<b>1.341.478</b>	<b>30,30%</b>	<b>1.564.128</b>	<b>43,92%</b>
Phôi	97.151	2,19%	43.720	1,23%
Phế liệu luyện thép	1.244.327	28,10%	1.520.408	42,69%
<b>Hàng hóa khác</b>	<b>16.002</b>	<b>0,36%</b>	<b>295</b>	<b>0,01%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.427.784</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.562.713</b>	<b>100,00%</b>

**Cơ cấu lợi nhuận gộp**

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận bán hàng	31.189	39,65%	132.229	79,40%
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	47.468	60,35%	34.311	20,60%
<b>Tổng</b>	<b>78.657</b>	<b>100%</b>	<b>166.540</b>	<b>100,00%</b>

Lợi nhuận bán hàng trong năm 2020 ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc đạt 132,23 tỷ đồng, tăng 3,24 lần so với năm 2019. Đại dịch Covid-19 đã gây ra những khó khăn nhất định cho nền kinh tế nói chung và ngành sản xuất thép nói riêng trong nửa đầu năm 2020. Trong nửa cuối năm 2020 giá thị trường sắt – thép đã tăng mạnh trở lại tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh trong ngành.

Lợi nhuận cung cấp dịch vụ năm 2020 đạt 34,31 tỷ đồng giảm 27,71% so với năm 2019. Nguyên nhân do giá vốn của dịch vụ cung cấp tăng 81,79% so với năm 2019. Cụ thể, do đơn giá thuê đất của nhà nước năm 2020 tăng, làm cho chi phí thuê đất của các toà nhà và kho Linh Trung tăng 11,1 tỷ đồng so với năm trước, dẫn đến hiệu quả kinh doanh dịch vụ giảm.

**Cơ cấu chi phí**

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	4.415.300	98,15%	3.464.395	97,37%
Chi phí tài chính	27.994	0,62%	5.112	0,14%
Chi phí bán hàng	41.362	0,92%	56.294	1,58%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.694	0,30%	32.228	0,91%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>4.498.351</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.558.029</b>	<b>100,00%</b>

Tổng chi phí năm 2020 của Công ty là 3.558 tỷ đồng, giảm 20,90% so với năm 2019:

- Chi phí tài chính giảm 81,74% so với năm 2019 do chi phí lãi vay giảm 63,11% và khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ghi nhận mức giảm 172%,
- Chi phí bán hàng tăng 36,10% so với năm 2019, do chi phí nhân công trong năm tăng 59,13% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí tiền lương tăng lên theo lợi nhuận thực hiện.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 135,35% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do chi phí tiền lương tăng theo lợi nhuận thực hiện và chi phí dự phòng khoản phải thu khó đòi tăng..

## Tổ chức nhân sự

### Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP cá nhân sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Dương Trung Toàn	Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
2	Võ Trí Nghĩa	TV HĐQT - TGD	0	0,00%
3	Cù Thị Thùy Linh	TV HĐQT	0	0,00%
4	Trương Bá Liêm	TV HĐQT - PTGD	53.860	0,26%
5	Phạm Mạnh Hùng	TV độc lập của HĐQT	2.000	0,01%

### ÔNG DƯƠNG TRUNG TOÀN

**Ngày sinh** 30/07/1969  
**Quốc tịch** Việt Nam  
**Trình độ văn hóa** 12/12  
**Trình độ chuyên môn** Cử nhân ngành Tài chính

Thời gian	Chức vụ
Từ T11/1991-T9/1995	Kế toán tổng hợp Nhà máy Thép Thủ Đức.
Từ T10/1995 - T6/2002	Kế toán trưởng, phó trưởng phòng tổng hợp Công ty SXSP mạ CN VINGAL.
Từ T7/2002 - T12/2003	Phó phòng, Trưởng phòng TC-KT NM Thép Tân Thuận.
Từ T.01/2004 - T.5/2007	Trưởng phòng TC-KT BQLDA NM thép cán nguội Phú Mỹ, Trưởng phòng TC-KT Công ty Thép Tấm lá Phú Mỹ
Từ T.6/2007 - T.3/2009	Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thép Essar-Việt Nam
Từ T.4/2009 - T.3/2013	Tổng Giám đốc Công ty CP Thép tấm Miền Nam
Từ T.4/2013-T.6/2014	Phó Trưởng ban TC-KT Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP
Từ T.7/2014 - T.6/2015	Phó Giám đốc Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ-VNSTEEL
Từ T.7/2015 -T3/2018	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei
Từ T.4/2018 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - Vnsteel.
Từ T.4/2019 - nay	Tổng giám đốc Công ty CP Thép tấm Miền Nam

<b>Chức vụ hiện nay tại Công ty</b>	Chủ tịch HĐQT
<b>Chức vụ hiện nay tại Công ty khác</b>	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép tấm Miền Nam
<b>Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay</b>	Không có
<b>Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan</b>	Không có

### ÔNG VÕ TRÍ NGHĨA

**Ngày sinh** 11/03/1979  
**Quốc tịch** Việt Nam  
**Trình độ văn hóa** 12/12  
**Trình độ chuyên môn** Kỹ sư luyện kim, Cử nhân kinh tế đối ngoại

Thời gian	Chức vụ
Từ T7/2002 - 2005	Chuyên viên kinh doanh phòng Kế hoạch Kinh doanh - Tổng công ty Thép Việt Nam
Từ 2005 - T7/2010	Chuyên viên phòng Vật Tư Xuất Nhập Khẩu - Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP
Từ T8/2010 - T5/2011	Trưởng phòng Vật tư XNK Công ty Cổ phần Tôn Mạ Thăng Long
Từ 06/2011 – 03/2015	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh; Phó chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần tôn mạ VNSTEEL Thăng Long;
Từ 07/2015 – 03/2016	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần tôn mạ VNSTEEL Thăng Long
Từ 03/2016 – 09/2019	TV HĐQT, PTGD Công ty cổ phần tôn mạ Thăng Long.
Từ 10/2019 đến nay	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí TP.HCM - VNSTEEL

<b>Chức vụ hiện nay tại Công ty</b>	Tổng giám đốc
<b>Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay</b>	Không có
<b>Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan</b>	Không có

## ÔNG TRƯƠNG BÁ LIÊM

**Ngày sinh** 01/01/1963  
**Quốc tịch** Việt Nam  
**Trình độ văn hóa** 12/12  
**Trình độ chuyên môn** Thạc sỹ ngành Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư chế tạo máy

Thời gian	Chức vụ
Từ 1987 - 1993	Chuyên viên kỹ thuật tại Công ty Kim khí Miền Trung
Từ 1993 - 1998	Cửa hàng trưởng, phó giám đốc Xí nghiệp trực thuộc Công ty Kim Khí Miền Trung
Từ 1998 - 1999	Giám sát kinh doanh khu vực Miền Trung tại Công ty Mercedes - Benz Việt Nam
Từ 2001 - 2003	Phó P.KHKD Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp.
Từ 2003 - Nay	Phó TGD Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM. Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - Vnsteel. Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty** Phó Tổng giám đốc

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL

**Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay** 53.860 cổ phiếu – chiếm 0,26% vốn điều lệ

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan** Không có

## ÔNG PHẠM MẠNH HÙNG

**Ngày sinh** 03/11/1962  
**Quốc tịch** Việt Nam  
**Trình độ văn hóa** 12/12  
**Trình độ chuyên môn** Cử nhân kinh tế

Thời gian	Chức vụ
Từ 1987-2003	Trưởng P.KHKD Công ty Tổng hợp Bình Định
Từ 2003 - 2007	Trưởng P.KHKD Sở Thương Mại Bình Định
Từ 2008 - 2011	Trưởng phòng KHTH và Phó TGD Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen
Từ 2012 - Nay	Phó TGD và TGD Công ty CP Thép Nam Kim

**Chức vụ hiện nay tại Công ty** Thành viên HĐQT

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** Không có

**Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay** 2.000 cổ phần - chiếm sở hữu 0,01% vốn điều lệ

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan** 38.000 cổ phần - chiếm sở hữu 0,18% vốn điều lệ



## BÀ CÙ THỊ THÙY LINH

<b>Năm sinh</b>	1977
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam
<b>Trình độ văn hóa</b>	12/12
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân kinh tế

Thời gian	Chức vụ
Từ T7/1999 - 6/2003	Nhân viên Phòng Kinh doanh, Công ty Điện tử Samsung Vina.
Từ T7/2003 - T6/2007	Chuyên viên P.KHKD - Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP
Từ T6/2007 - T6/2014	Chuyên viên Ban Vật tư XNK - Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP
Từ T6/2014- T12/2015	Chuyên viên Ban Kế hoạch thị trường - Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP
Từ T1/2016 đến nay	Phó trưởng Ban Kế hoạch thị trường - Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP
Từ 4/2015 đến nay	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè
Từ 10/2017 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng
Từ 03/2018 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL

**Chức vụ hiện nay tại Công ty** TV HĐQT

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác**

- Phó trưởng Ban Kế hoạch thị trường - Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP
- Thành viên BKS Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL

**Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan** Không có

## Tổ chức nhân sự

### Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Võ Trí Nghĩa	Tổng giám đốc	0	0,00%
2	Trương Bá Liêm	Phó Tổng giám đốc	53.860	0,26%
3	Nguyễn Thanh Tuân	Phó Tổng giám đốc	0	0,00%
4	Lại Văn Quyền	Kế toán trưởng	0	0,00%

### ÔNG VÕ TRÍ NGHĨA

Xem sơ yếu lý lịch tại mục Thành viên Hội đồng quản trị

### ÔNG TRƯƠNG BÁ LIÊM

Xem sơ yếu lý lịch tại mục Thành viên Hội đồng quản trị

**ÔNG NGUYỄN THANH TUÂN**

**Ngày sinh** 14/08/1971  
**Quốc tịch** Việt Nam  
**Trình độ văn hóa** 12/12  
**Trình độ chuyên môn** Cử nhân kinh tế ngành kế toán

Thời gian	Chức vụ
Từ 7/1992 – 12/2001	Nhân viên Xí nghiệp Bao bì - thuộc Tổng cục công nghiệp Quốc Phòng.
Từ 01/2002 - 05/2002	Phó phòng Kế hoạch xí nghiệp May Minh Hà – Công ty may Bình Minh
Từ 06/2002 – 11/2002	Trưởng VPĐD Công ty CP VTTB và XD CT Giao thông – Bộ Giao thông Vận Tải.
Từ 01/2003- 05/2003	Phó phòng KDXNK số 2, Công ty CP VTTB và XD CT Giao thông – Bộ Giao thông Vận Tải.
Từ 06/2003 – 06/2007	Phó Văn phòng Đại diện Công ty CP XD và KD Vật tư (C&T) Hà Nội.
Từ 07/2007 – 03/2011	Trưởng VP ĐD Công ty CP XD & KD Vật tư (C&T) HN
Từ 04/2011 -11/2013	Phó TGD Công ty CP XD & KDVT (C&T) - Tổng công ty XD số 1 (Bộ xây dựng)
Từ 11/2013 – 7/2015	Phó TGD, Phó CTHĐQT Công ty CP XD & KDVT (C&T)- Tổng công ty XD số 1 (Bộ xây dựng) Chủ tịch HĐQT Công ty CP XD và TM Ban Tích
Từ 7/2015 - 8/2015	Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM
Từ 8/2015 - Nay	Trưởng Phòng Kinh doanh số 1.

<b>Chức vụ hiện nay tại Công ty</b>	Phó TGD
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác</b>	Không có
<b>Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay</b>	Không có
<b>Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan</b>	Không có

**ÔNG LẠI VĂN QUYỀN**

**Ngày sinh** 02/09/1978  
**Quốc tịch** Việt Nam  
**Trình độ văn hóa** 12/12  
**Trình độ chuyên môn** Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán

Thời gian	Chức vụ
Từ 07/2003 - 05/2006	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu.
Từ 06/2006 - 06/2008	Chuyên viên Tổng công ty XDCT giao thông 1.
Từ 07/2008 - 09/2008	Phó Phòng Tài chính kế toán, Công ty CP xây dựng công trình 675.
Từ 10/2008 - 09/2013	Kế toán trưởng Công ty CP xây dựng công trình 675.
Từ 10/2013 - 03/2016	Chuyên viên bộ phận kế toán, Công ty TNHH Thép Vinakyoel.
Từ 4/2016 - 01/2017	Quyền phó bộ phận kế toán, Công ty TNHH Thép Vinakyoel.
Từ 02/2017 - 06/2017	Nhân viên Phòng kế toán, Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL.
Từ 07/2017 - 01/2019	Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL.
Từ 02/2019 - nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL.

<b>Chức vụ hiện nay tại Công ty</b>	Kế toán trưởng
<b>Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác</b>	TV HĐQT Công ty CP thép tấm lá Thống Nhất
<b>Số cổ phần nắm giữ hiện nay</b>	Không có
<b>Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan</b>	Không có

## Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP cá nhân sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Hoàng Lê Ánh	Trưởng BKS	0	0,00%
2	Đoàn Thị Thanh Thúy	Kiểm soát viên	9.850	0,05%
3	Huỳnh Thị Lệ Nga	Kiểm soát viên	25.990	0,12%

### BÀ HOÀNG LÊ ÁNH

**Ngày sinh** 28/10/1972  
**Quốc tịch** Việt Nam  
**Trình độ văn hóa** 12/12  
**Trình độ chuyên môn** Cử nhân tài chính và kế toán

Thời gian	Chức vụ
Từ T8/1993-T02/1997	Nhân viên kế toán tại Nhà máy cơ khí Luyện Kim thuộc Công ty Thép Miền Nam
Từ T02/1997 - T8/2003	Nhân viên kế toán Nhà máy thép Nhà Bè
Từ T8/2003 - T12/2006	Kế toán trưởng Nhà máy thép Nhà Bè.
Từ T01/2007 - T.5/2010	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè
Từ T.6/2010 - T12/2014	Chuyên viên P.TCKT Tổng công ty Thép VN.
Từ T.3/2012 - T.12/2015	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cơ khí Luyện Kim
Từ T.3/2012-T.12/2015	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Tân Thuận
Từ T.3/2012 - Nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty** Trưởng ban Kiểm soát

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** Không có

**Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan** Không có

### BÀ ĐOÀN THỊ THANH THÚY

**Ngày sinh** 07/09/1978  
**Quốc tịch** Việt Nam  
**Trình độ văn hóa** 12/12  
**Trình độ chuyên môn** Cử nhân tài chính doanh nghiệp

Thời gian	Chức vụ
Từ T10/2002 - T6/2007	Kế toán Công ty TNHH Thái Nam
Từ T7/2007 đến nay	Kế toán trưởng Công ty TNHH TMDV Điện Tử Viễn Thông Trần Anh
Từ T10/2013 đến nay	Nhân viên Ban quản lý tòa nhà nay là P.ĐT& KDBDS - Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM- Vnsteel
Từ T4/2006 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM- Vnsteel

**Chức vụ hiện nay tại Công ty** Kiểm soát viên

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** Không có

**Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay** 9.850 cổ phần - chiếm 0,05% vốn điều lệ

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan** 27.070 cổ phần - chiếm 0,13% vốn điều lệ

### BÀ HUỖNH THỊ LỆ NGA

**Ngày sinh** 12/04/1970  
**Quốc tịch** Việt Nam  
**Trình độ văn hóa** 12/12  
**Trình độ chuyên môn** Cử nhân Tài chính kế toán doanh nghiệp

Thời gian	Chức vụ
Từ T10/1992 - T9/1995	Chuyên viên kế toán nhà máy Thép Nhà Bè
Từ T9/1995 - T9/2014	Chuyên viên kế toán Tổng công ty Thép Việt Nam
Từ T9/2014 đến nay	Chuyên viên kế toán tại văn phòng đại diện tại TP.HCM - Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP
Từ T3/2016 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - Vnsteel

**Chức vụ hiện nay tại Công ty** Kiểm soát viên

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** Không có

**Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay** 25.990 cổ phần chiếm 0,12% vốn điều lệ

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan** Không có

## Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tổ chức và nhân sự của Công ty tính đến ngày 31/12/2020 có tổng cộng lao động là 189 người và được phân loại theo trình độ lao động, hợp đồng lao động và giới tính.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>189</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ trên đại học	2	1,06%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	105	55,56%
3	Trình độ trung cấp, sơ cấp	18	9,52%
4	Công nhân kỹ thuật	2	1,06%
5	Lao động phổ thông	62	32,80%
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>189</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	133	70,37%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	18	9,52%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	38	20,11%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>189</b>	<b>100%</b>
1	Nam	132	69,84%
2	Nữ	57	30,16%

## THU NHẬP BÌNH QUÂN

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2017	209	13.400.000
2	2018	213	13.500.000
3	2019	208	16.700.000
4	2020	189	15.080.000

## Chính sách nhân sự

Với chủ trương nguồn nhân lực là hạt nhân trong sự thành công của doanh nghiệp. Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong việc định hướng phát triển của Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh – VNSTEEL.

## Công tác đào tạo

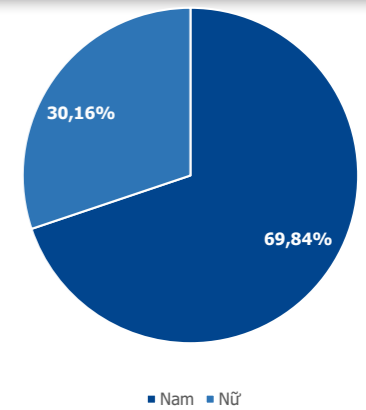
Để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, mỗi cá nhân của Công ty đều phải là một cá thể có năng lực cạnh tranh tốt. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo cơ hội để các CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ. Công ty đã rất chú trọng đến công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đặc biệt là công tác đào tạo nâng cao kỹ năng bán hàng, kỹ năng quản trị và thu hồi công nợ cho đội ngũ bán hàng.

## Điều kiện và chế độ làm việc

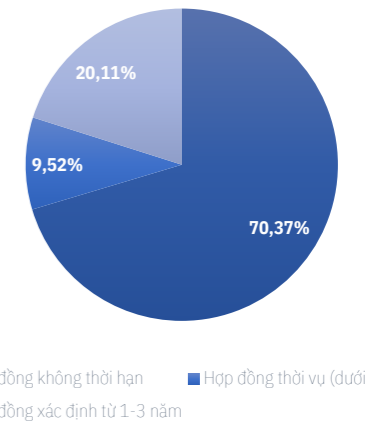
Đảm bảo an toàn lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty trong hoạt động thường ngày của mình. Hằng năm, Công ty đều đánh giá, kiểm tra điều kiện làm việc của nhân viên, đặc biệt là khối sản xuất nhằm đảm bảo các điều kiện về an toàn và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

Với những chính sách như trên, Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh – VNSTEEL đã tạo được sự gắn kết lâu dài với CBCNV, trong những năm qua hầu như không có biến động lớn nào về nhân sự của Công ty.

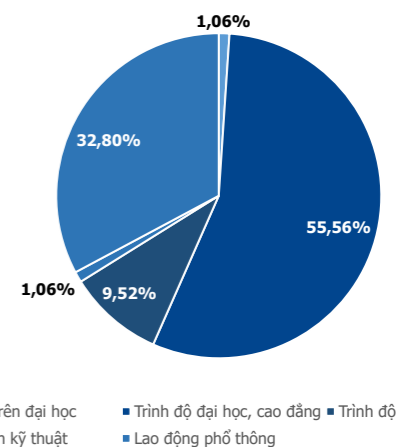
## PHÂN LOẠI THEO GIỚI TÍNH



## PHÂN LOẠI THEO HỢP ĐỒNG



## PHÂN LOẠI THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG





## Chính sách lương thưởng

Năm 2020, Công ty tiếp tục thực hiện trả lương dựa trên hệ thống trả lương cho người lao động theo phương pháp 3P, đã được xây dựng từ năm 2016, nhằm xác lập các nguyên tắc trả lương thống nhất với từng cá nhân, từng bộ phận nhằm khuyến khích người lao động (NLĐ) làm việc, hoàn thành tốt công việc theo chức danh. Tiền lương và thu nhập của mỗi NLĐ phụ thuộc vào năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc và tiềm năng cống hiến của NLĐ phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và cạnh tranh so với thị trường lao động. Thu nhập của CBCNV bao gồm: Lương cố định, Lương hiệu quả, Các khoản phụ cấp (nếu có), Tiền thưởng. Mức lương của một cá nhân phải nằm trong dải lương quy định trong hệ thống thang – ngạch lương của Công ty. Dải lương của một vị trí công việc là khoảng cách giữa mức lương thấp nhất (Min), mức lương trung bình (Average) và mức lương cao nhất (Max). Mỗi vị trí công việc có một dải lương tương ứng nằm trong thang bảng lương của Công ty.

Hệ thống thang – ngạch lương có thể được điều chỉnh, bổ sung khi có sự thay đổi từ các yếu tố bên ngoài (tốc độ lạm phát, mức lương của thị trường lao động nói chung và của ngành có liên quan nói riêng) hoặc các yếu tố bên trong (chiến lược kinh doanh, quy mô, ngân sách lương, hiệu quả kinh doanh của Công ty). Ngoài ra, Công ty còn áp dụng chính sách thưởng theo hiệu quả công việc của cá nhân, theo năng suất lao động và theo lợi nhuận của Công ty.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

### Tình hình đầu tư, khai thác tài sản Các khoản đầu tư tài chính:

- Góp vốn đầu tư vào Công ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất: 14 tỷ đồng. Tổng số tiền dự phòng trích lập đến 31/12/2020: 14 tỷ đồng, không đổi so với thời điểm 31/12/2019.
- Công ty hiện nắm giữ 1.150.000 cổ phiếu Thép Nhà Bè, giá tham chiếu bình quân 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày 31/12/2020: 14.900 đồng/cp. Hoàn nhập dự phòng năm 2020: 7,82 tỷ đồng. Tổng số tiền dự phòng trích lập đến 31/12/2020: 5,865 tỷ đồng..

### Quản lý và khai thác tài sản

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến một số khách hàng thuê tòa nhà cũng như thuê kho bãi của Công ty. Đặc biệt là những khách hàng hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, lữ hành du lịch, logistics, vận chuyển hàng không... bị thiệt hại nặng nề. Để chia sẻ khó khăn với khách hàng, công ty đã giảm phí thuê văn phòng trong những tháng cao điểm bệnh dịch.

Trong năm 2020, tổng doanh thu hoạt động dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi của Công ty là 67.65 tỷ đồng trong đó:

- Doanh thu khai thác tòa nhà 193 Đinh Tiên Hoàng: 35,55 tỷ đồng (bao gồm chi phí quản lý, điện, nước).
- Doanh thu cho thuê tòa nhà 189 Nguyễn Thị Minh Khai: 17,4 tỷ đồng (cho thuê nguyên căn).
- Doanh thu cho thuê kho bãi năm 2020 đạt 14,7 tỷ đồng.
  - Công ty đang quản lý, sử dụng 6 cơ sở nhà đất trên địa bàn TP.HCM, các cơ sở này được công ty sử dụng đúng mục đích theo hợp đồng thuê đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
  - Riêng khu đất tại phường Linh Trung, Tp. Thủ Đức hết hạn thuê từ ngày 01/01/2020, Căn cứ hồ sơ của Công ty xin sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP, Bộ Tài Chính đã có văn bản số 11106/BTC-QLCS ngày 14/9/2020, gửi Ủy Ban Quản lý Vốn Nhà nước chỉ đạo trực tiếp về phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất của Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM – Vnsteel. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có văn bản thống nhất của Ủy Ban quản lý Vốn. Công ty sẽ tiếp tục bám sát các cơ quan có trách nhiệm để hoàn tất các thủ tục xin gia hạn việc thuê đất.
  - Từ 31/12/2020 Công ty không còn thuê kho Long An, đã bàn giao lại cho Tổng Công ty Thép VN - CTCP.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 giảm 15,33% so với đầu năm 2020. Trong đó, khoản phải thu khách hàng giảm 18,59%. Công ty đã thực hiện tăng 16,12% dự phòng các khoản phải thu khó đòi so với đầu kỳ năm 2020. Khoản phải thu chiếm tỷ trọng 7,47% so với doanh thu thuần nên có thể nói hiện tại rủi ro doanh nghiệp bị chiếm dụng vốn từ việc bán hàng đã được hạn chế.

#### Cơ cấu khoản phải thu

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng giảm
Phải thu khách hàng	361.012	293.888	-18,59%
Trả trước cho người bán	481	13.030	2610,17%
Các khoản phải thu khác	9.823	23.584	140,10%
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-51.168	-59.419	16,12%
<b>Tổng cộng</b>	<b>320.148</b>	<b>271.083</b>	<b>-15,33%</b>

### KHOẢN PHẢI TRẢ

Nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 giảm 15,40% so với đầu kỳ năm 2020. Trong đó, người mua trả tiền trước tăng 12,71 lần và khoản phải trả cho người lao động tăng 6,73 lần so với năm 2019, thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước tăng 98,49%. Bên cạnh đó, khoản phải trả ngắn hạn khác ghi nhận mức giảm 40,08% so với năm 2019. Nguyên nhân do các khoản phải trả Ngân hàng về khoản thanh toán L/C cho nhà cung cấp đã giảm xuống còn 117,551 tỷ đồng. Khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn cũng ghi nhận giảm hơn 14 tỷ đồng, giảm 7,74% so với năm 2019.

Nợ dài hạn tăng 11,89% so với năm 2019, chủ yếu đến từ khoản phải trả dài hạn khác. Cụ thể đến từ khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn trong năm 2020 tăng so với năm 2019

#### Cơ cấu nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

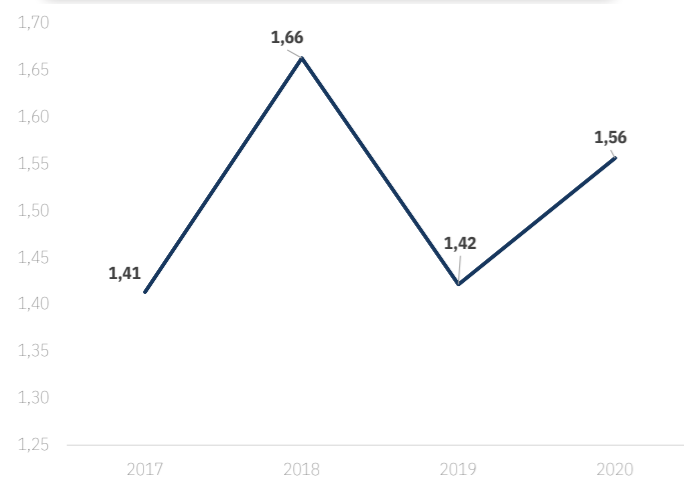
Khoản mục	Năm 2019	Năm 2020	% Thay đổi	% Tỷ trọng
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>581.018</b>	<b>491.526</b>	<b>-15,40%</b>	<b>100%</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	90.444	83.976	-7,15%	17,08%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.422	19.514	1271,86%	3,97%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.694	13.286	98,49%	2,70%
Phải trả người lao động	3.307	25.581	673,60%	5,20%
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.180	2.550	-19,83%	0,52%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	160	65	-59,09%	0,01%
Phải trả ngắn hạn khác	286.752	171.815	-40,08%	34,96%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	184.958	170.638	-7,74%	34,72%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.101	4.101	-0,01%	0,84%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>19.431</b>	<b>21.742</b>	<b>11,89%</b>	<b>100,00%</b>
Phải trả dài hạn khác	19.431	21.742	11,89%	100,00%



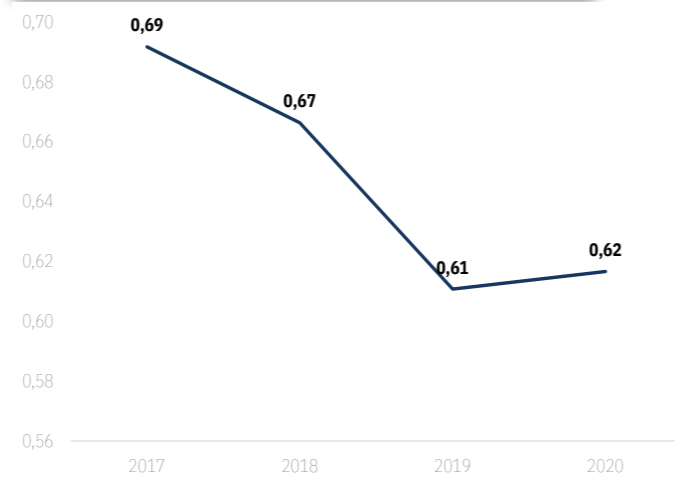
## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Khoản mục	ĐVT	2019	2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,42	1,56
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,61	0,62
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,63	0,57
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,70	1,35
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,61	7,43
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	4,88	3,93
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,25	1,04
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,95	10,35
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,24	4,11
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,32	2,52

### KHẢ NĂNG THANH TOÁN

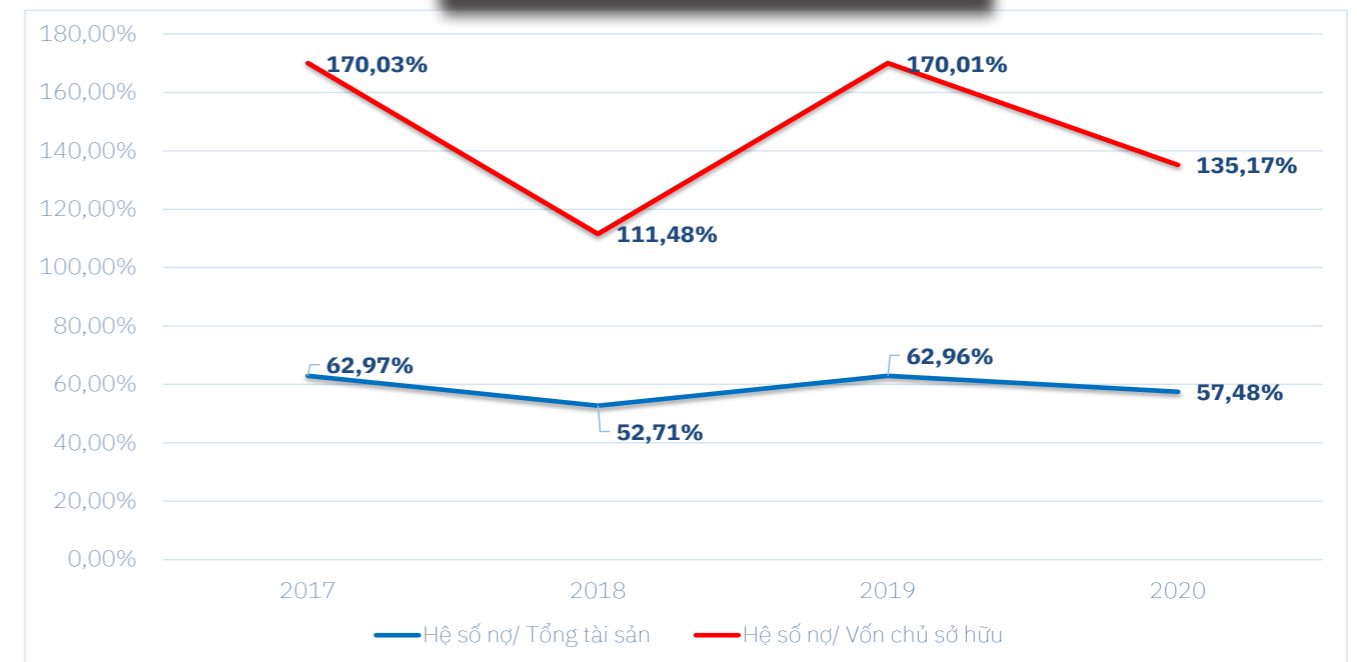


### KHẢ NĂNG THANH TOÁN NHANH



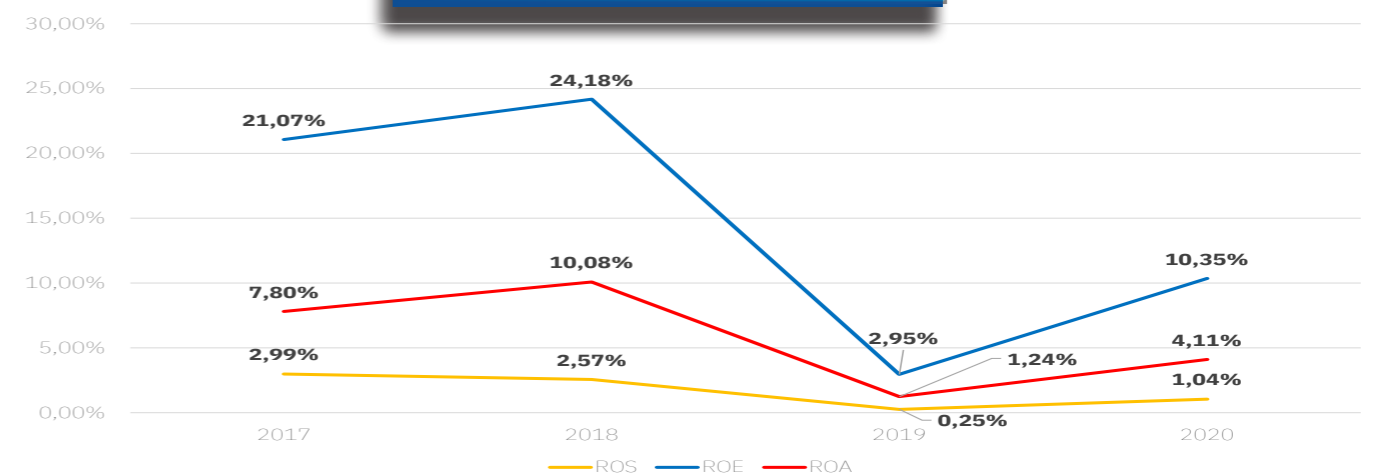
Cả hai hệ số về khả năng thanh toán trong năm 2020 đã được cải thiện tốt hơn so với năm 2019. Trong đó, hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh lần lượt đạt 1,56 và 0,62. Nhìn chung Công ty đủ khả năng để đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn

### CƠ CẤU VỐN



Công ty đã chủ động giảm các khoản nợ ngắn hạn, giảm tỷ lệ sử dụng đòn bẩy để phù hợp với giai đoạn thị trường khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra và cũng để chủ động giảm thiểu rủi ro tài chính cho Công ty. Hệ số nợ/Tổng tài sản đã giảm từ 0,63 về mức 0,57. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đã giảm từ 1,7 về mức 1,35.

### KHẢ NĂNG SINH LỜI

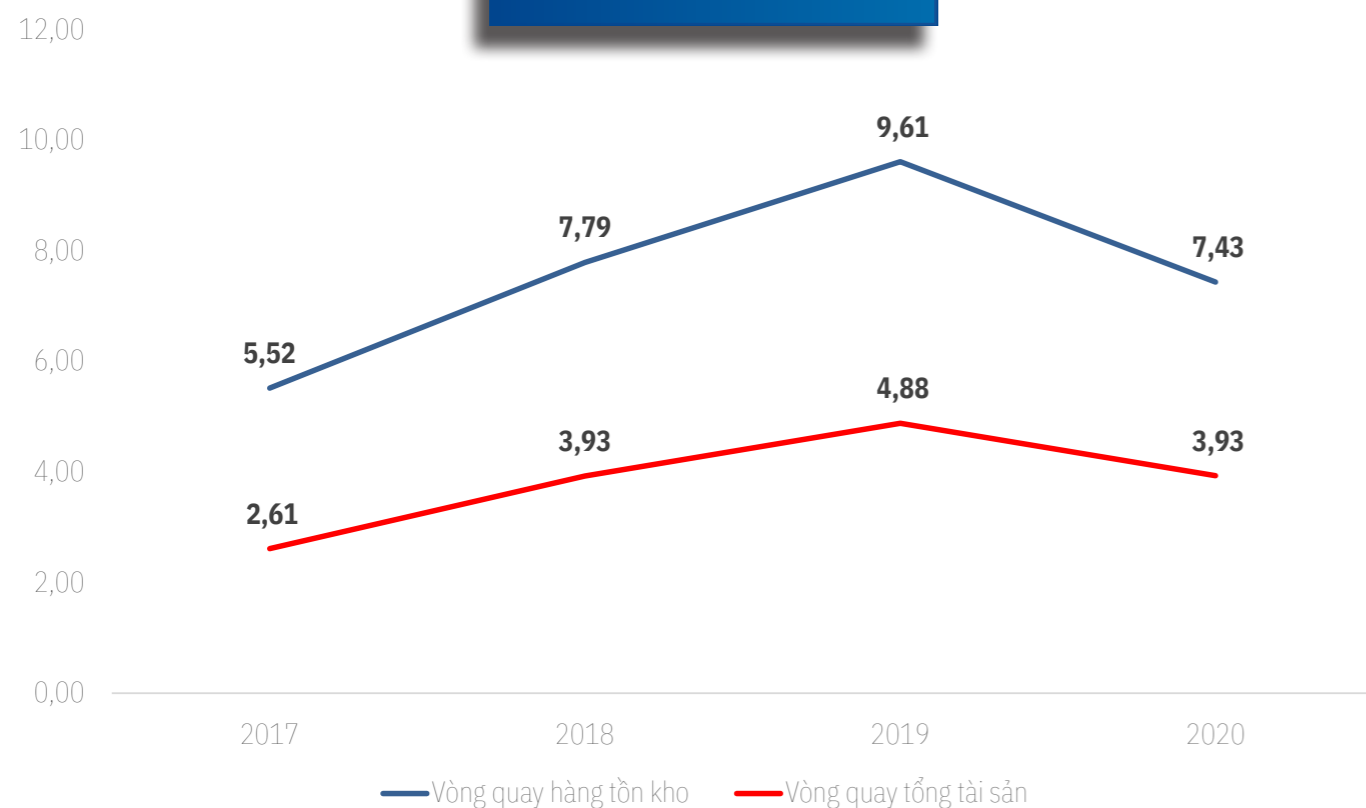


Mặc dù trong năm 2020, tình hình dịch bệnh đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng chúng tôi đã quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, bằng chứng là các chỉ số khả năng sinh lời đã tăng trưởng mạnh mẽ trong thời kỳ khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra. ROE, ROA và ROS lần lượt đạt 10,35%, 4,11% và 1,04%. Tất cả các chỉ số về khả năng sinh lời đều tăng cao hơn so với năm 2019.

Trong năm 2020 với việc sớm kiểm soát tốt dịch bệnh tại Việt Nam, bên cạnh đó Chính phủ thực hiện chính sách

gia tăng chi tiêu công, đã làm thúc đẩy nhóm ngành xây dựng, làm tăng nhu cầu tiêu thụ sắt thép nội địa, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho Công ty trong nửa cuối năm 2020. Bên cạnh đó, các nguồn cung thép trên thế giới chưa thể trở lại mức sản xuất như thời kỳ trước đại dịch và việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các quốc gia bằng chính sách gia tăng chi tiêu công làm tăng cao nhu cầu sử dụng sắt thép, điều này sẽ làm giá các loại sắt thép tiếp tục tăng, tạo ra những thuận lợi nhất định cho Công ty trong năm 2021.

## NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty trong năm 2020 giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể vòng quay hàng tồn kho 9,61 vòng giảm xuống 7,43 vòng. Tương tự, vòng quay tổng tài sản giảm từ 4,88 vòng xuống còn 3,93 điều này có thể được lý giải bởi dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất và kinh doanh của Công ty trong nửa đầu năm 2020. Nhưng đến nửa cuối năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty đã tăng trưởng trở lại.



## TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Thông tin cổ phiếu

<b>Tổng số cổ phiếu đã phát hành</b>	21.000.000 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	21.000.000 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	0 Cổ phiếu
<b>Loại cổ phần</b>	
<b>Cổ phần phổ thông</b>	21.000.000 Cổ phần
<b>Cổ phần ưu đãi</b>	0 Cổ phần

### Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2020

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>598</b>	<b>20.806.660</b>	<b>208.066.600.000</b>	<b>99,08%</b>
1	Cổ đông nhà nước			-	
2	Cổ đông tổ chức	6	11.870.314	118.703.140.000	<b>56,53%</b>
3	Cổ đông cá nhân	592	8.936.346	89.363.460.000	<b>42,55%</b>
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>35</b>	<b>193.340</b>	<b>1.933.400.000</b>	<b>0,92%</b>
1	Cá nhân	27	85.360	853.600.000	<b>0,41%</b>
2	Tổ chức	8	107.980	1.079.800.000	<b>0,51%</b>
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
<b>Tổng cộng</b>		<b>633</b>	<b>21.000.000</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Năm 2020, thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng chứng kiến một năm dịch bệnh hoành hành và thiên tai xảy ra liên tiếp gây ra những hậu quả nặng nề về người và của. Để góp phần chung tay bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu, Công ty ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng nên đã chủ động xây dựng và thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ, tổ chức sắp xếp hợp lý để không gây ra lãng phí nguồn nguyên, vật liệu. Công ty đề ra một số giải pháp thông minh như thu gom nguyên liệu sau gia công vào nhà máy để tái chế.

### Tiêu thụ năng lượng & nước

#### 1. Năng lượng trực tiếp

Công ty chủ yếu hoạt động trên lĩnh vực thương mại và dịch vụ nên không sử dụng nhiều máy móc thiết bị. Ngoài ra việc vận chuyển sản phẩm, hàng hóa nhập về hoặc giao đi đến khách hàng được công ty sử dụng dịch vụ thuê ngoài với số lượng lớn cho một lần di chuyển nên chi phí nhiên liệu mà HMC trực tiếp sử dụng là không đáng kể. Vì vậy, chỉ có điện là nguồn năng lượng mà Công ty sử dụng nhiều nhất trong hoạt động kinh doanh, sản xuất, dịch vụ và các hình thức khác. Trong năm, khối lượng điện mà Công ty đã sử dụng là 1.770.596 Kwh/năm. Mức tiêu thụ này được đánh giá là phù hợp đối với tình hình hiện tại của Công ty.

#### 2. Năng lượng gián tiếp

Công ty luôn khuyến khích nhân viên có ý thức về việc tiết kiệm điện, tắt đèn, quạt, máy lạnh... khi không cần thiết sử dụng. Thay thế các thiết bị tiêu tốn năng lượng bằng các thiết bị tiết kiệm điện năng. Công ty nhận thức được việc sử dụng năng lượng tiết kiệm không chỉ giảm thiểu chi phí hoạt động cho Công ty mà còn góp phần chung tay bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.

#### 3. Nước

Tiết kiệm nước là một điều cấp bách cần phải thực hiện vì nước là nguồn tài nguyên có sẵn trong thiên nhiên nhưng không vô tận. Để tránh sử dụng nước lãng phí, tổng lượng nước tiêu thụ cho mục đích sinh hoạt vào năm 2020 là 10.213 m<sup>3</sup>. Công ty đã có những biện pháp kiểm soát nguồn nước cũng như quy trình kiểm tra hệ thống nước định kỳ. Công ty cũng đề ra một số phương án nhằm cắt giảm lượng nước sử dụng như:

- Kiểm tra nguồn nước phải được khóa kỹ lưỡng sau khi sử dụng xong.
- Tái sử dụng nước nếu vẫn còn sử dụng được cho sinh hoạt, sản xuất.
- Kiểm tra hệ thống nước định kỳ nếu có dấu hiệu bất thường về định mức, đảm bảo đã đóng chặt van nước sau khi sử dụng.
- Tìm kiếm thêm các biện pháp thay thế, thay đổi quy trình sản xuất mang hướng tích cực hơn cho môi trường.

Công ty cam kết tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, vận hành hệ thống xử lý nước thải có hiệu quả.

#### 4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty Cổ phần Kim khí TPHCM đã tiến hành thực hiện Báo cáo giám sát chất lượng Môi trường theo định kỳ 6 tháng/lần theo quy định về việc Bảo vệ Môi trường do Nhà nước Việt Nam ban hành.

Công ty đã thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, các chất thải được quản lý và xử lý đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn theo quy định.

Đối với chất thải rắn, nguy hại, Công ty thực hiện thu gom, phân loại và dán nhãn theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, thu gom các chất thải (công nghiệp và nguy hại).

Công ty cam kết tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, vận hành hệ thống xử lý nước thải có hiệu quả.

### Trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương

Bên cạnh các hoạt động chính liên quan đến sản xuất kinh doanh, Công ty cũng không quên những hoạt động thiện nguyện gắn với cộng đồng nhằm mang lại cuộc sống tốt hơn cho địa phương. Trong năm, Công ty đã thực hiện những hoạt động có ý nghĩa như ủng hộ UBND phường Linh Trung – Thủ Đức chung tay chăm lo Tết Canh Tý 2020 cho các gia đình khó khăn, tham gia phong trào hiến máu nhân đạo,...



**BÁO CÁO CỦA  
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Thuận lợi

- Với lợi thế hoạt động hơn 45 năm trong ngành thương mại thép cộng với đội ngũ công nhân viên năng động, chuyên môn cao, với năng lực tài chính dồi dào, cơ sở vật chất hiện đại, HMC đã đạt được những thành tựu, giải thưởng cao quý và tự hào là đối tác tin cậy của khách hàng.
- Công ty đã trở thành đại lý lớn của các nhà sản xuất lớn trong nước, xây dựng được hệ thống mạng lưới bán buôn, bán lẻ rộng lớn, bên cạnh đó còn có mối quan hệ thương mại mật thiết với hơn 50 Công ty xuất khẩu, nhà sản xuất lớn trên thế giới.
- Nguồn thu của HMC còn đa dạng các lĩnh vực, ngoài mảng thương mại thép thì doanh thu đến từ mảng dịch vụ cho thuê văn phòng, kho bãi của Công ty cũng góp phần không nhỏ trong doanh thu của HMC.
- Năm 2020 là một năm khó khăn của toàn ngành thép nói chung và của HMC nói riêng, nhưng nhờ đội ngũ Ban lãnh đạo tâm huyết, có chuyên môn cao, HMC đã có những biện pháp, kế hoạch dự phòng nhằm kịp thời giảm thiểu rủi ro của thị trường tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty.

## Khó khăn

- Do đặc thù của công ty thương mại, việc bán hàng chủ yếu vẫn bán chậm trả nên tiềm ẩn nhiều rủi ro.
- Tiêu thụ mặt hàng thép nhập khẩu của công ty trong năm nay giảm so với cùng kỳ. Ngoài những yếu tố khách quan về nhu cầu thị trường những tháng đầu năm, thì những mặt hàng SQC trước đây là chủ lực của Công ty, dẫn dắt thị trường nhưng hiện nay đang bị các doanh nghiệp khác cạnh tranh rất mạnh.
- Lượng hàng thép SQC tồn kho không nhiều, kèm với xu hướng giá thị trường đang ở mức cao những tháng cuối năm nên việc tạo nguồn hàng cho kế hoạch kinh doanh năm 2021 gặp nhiều khó khăn.
- Công tác dự báo, cập nhật thông tin thị trường ở các đơn vị chưa kịp thời, đặc biệt ở những thời điểm giá thị trường biến động lớn.
- Xu thế bảo hộ sản xuất trong nước tiếp tục ảnh hưởng khả năng kinh doanh hàng nhập khẩu của công ty: thuế nhập khẩu ở mức cao đối với các mặt hàng cán nguội, tôn mạ, thép xây dựng, thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá đối với thép dây, thép hình,... và dự kiến trong thời gian tới có khả năng áp thuế thép cán nóng khi nhà máy cán nóng Hòa Phát đi vào hoạt động ổn định.
- Công ty chỉ kinh doanh một loại thép xây dựng tại thị trường miền Tây nên không có lợi thế về đa dạng mặt hàng.

## Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% thực hiện so với KH 2020	% thực hiện so với năm 2019
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	953.643		892.988		94%
2	Sản lượng	Tấn	447.029	348.000	414.366	119%	93%
3	Thép nhập khẩu	Tấn	153.389	131.000	76.729	58%	50%
4	Thép sản xuất trong nước	Tấn	93.589	103.000	93.897	91%	100%
5	Phôi, Phế liệu	Tấn	188.104	90.000	243.511	271%	129%
6	Hàng hóa khác	Tấn	11.947	24.000	229	1%	2%
7	Vốn điều lệ	Triệu đồng	210.000	210.000	210.000	100%	100%
8	Doanh thu thuần	Triệu đồng	4.493.957	3.284.000	3.630.935	111%	81%
9	Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	14.388		91.494		636%
10	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	4.633		(36.157)		-780%
11	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	19.021		55.336		291%
12	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	11.401	16.700	37.926	227%	333%
13	Tỷ lệ cổ tức	%	5,00	7,00			

Doanh thu của Công ty đạt gần 3.630 tỷ đồng cao hơn 346 tỷ đồng so với mốc 3.284 tỷ đồng được đặt ra tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020. Trong đó, tổng sản lượng kinh doanh đạt 414.366 tấn, tăng 19% so với kế hoạch đề ra. Đáng chú ý, sản lượng kinh doanh phôi, phế liệu trong năm 2020 đạt 243.511 tấn, tăng 171% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận từ HĐKD năm 2020 tăng 536% so với năm 2019, lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng 127% so với kế hoạch và tăng 233% so với năm 2019 đây là tín hiệu tích cực đối với Công ty và là cơ sở để ban lãnh đạo tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, chi phí khác năm 2020 tăng mạnh dẫn đến lợi nhuận khác giảm mạnh 680% so với năm trước do Công ty đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh các nghiệp vụ liên quan đến Bản án số 400/2020/HS-ST ngày 20/09/2020 của Tòa án Nhân dân TP.HCM về việc xét xử sơ thẩm vụ án liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư tại số 8-12 Lê Duẩn, quận 1, TP.HCM. Theo đó, Công ty phải nộp lại số tiền 50 tỷ đồng, thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần, để tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đồng thời Công ty được quyền liên hệ cơ quan thuế để hạch toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp 12,5 tỷ đồng. Đối với bản án sơ thẩm trên, Công ty đã nộp đơn kháng cáo và đã được Tòa án nhân dân TPHCM tiếp nhận.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

Trong năm 2020, tổng tài sản của Công ty ghi nhận thay đổi so với năm 2019, trong cơ cấu tài sản của Công ty thì tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn lên đến 85,62% trong tổng tài sản của Công ty.

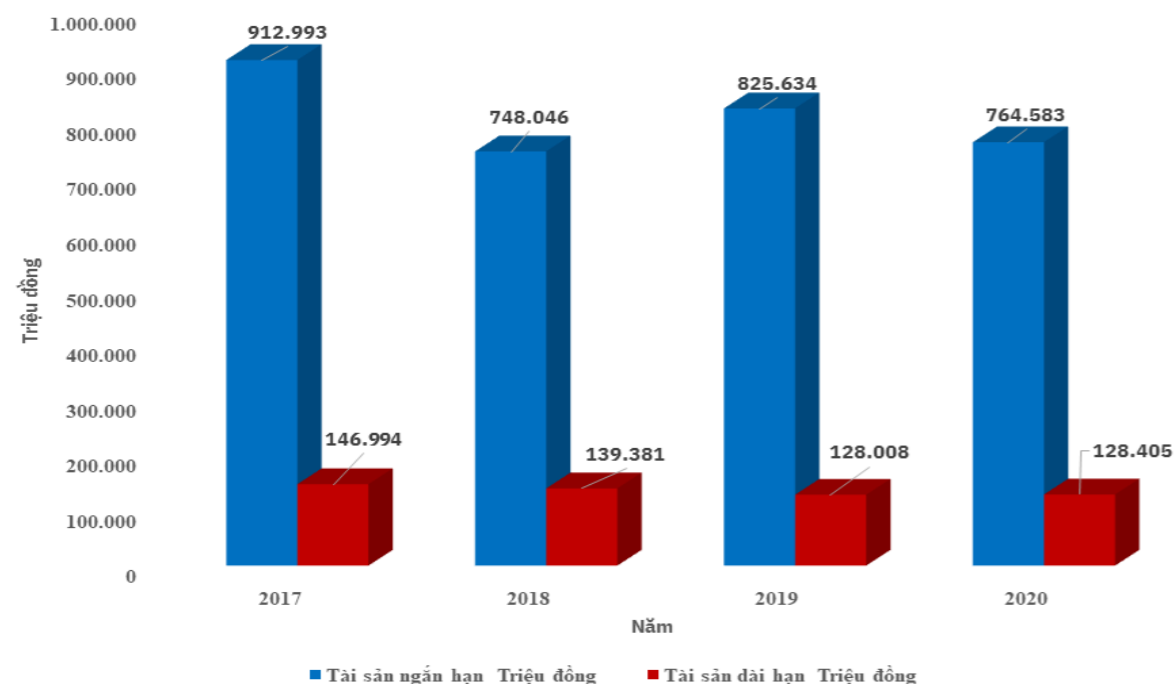
Tài sản ngắn hạn của Công ty đã giảm từ 826 tỷ đồng trong năm 2019 xuống 764,58 tỷ đồng trong năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do khoản tiền-tương đương tiền và khoản phải thu giảm so với năm 2019. Trong đó, khoản phải thu Công ty TNHH thép Tây Đô đã giảm 45,49 tỷ đồng so với năm 2019. Trong năm 2020, hàng tồn kho giảm hơn 24,8 tỷ đồng so với năm 2019, chủ yếu do hàng mua đang đi đường giảm 31,3 tỷ đồng so với năm 2019.

Tài sản dài hạn của Công ty trong năm duy trì ổn định và hầu như không thay đổi so với năm 2019.

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	825.634	86,58%	764.583	85,62%
Tài sản dài hạn	128.008	13,42%	128.405	14,38%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>953.643</b>	<b>100,00%</b>	<b>892.988</b>	<b>100,00%</b>

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN QUA CÁC NĂM



### Tình hình nợ

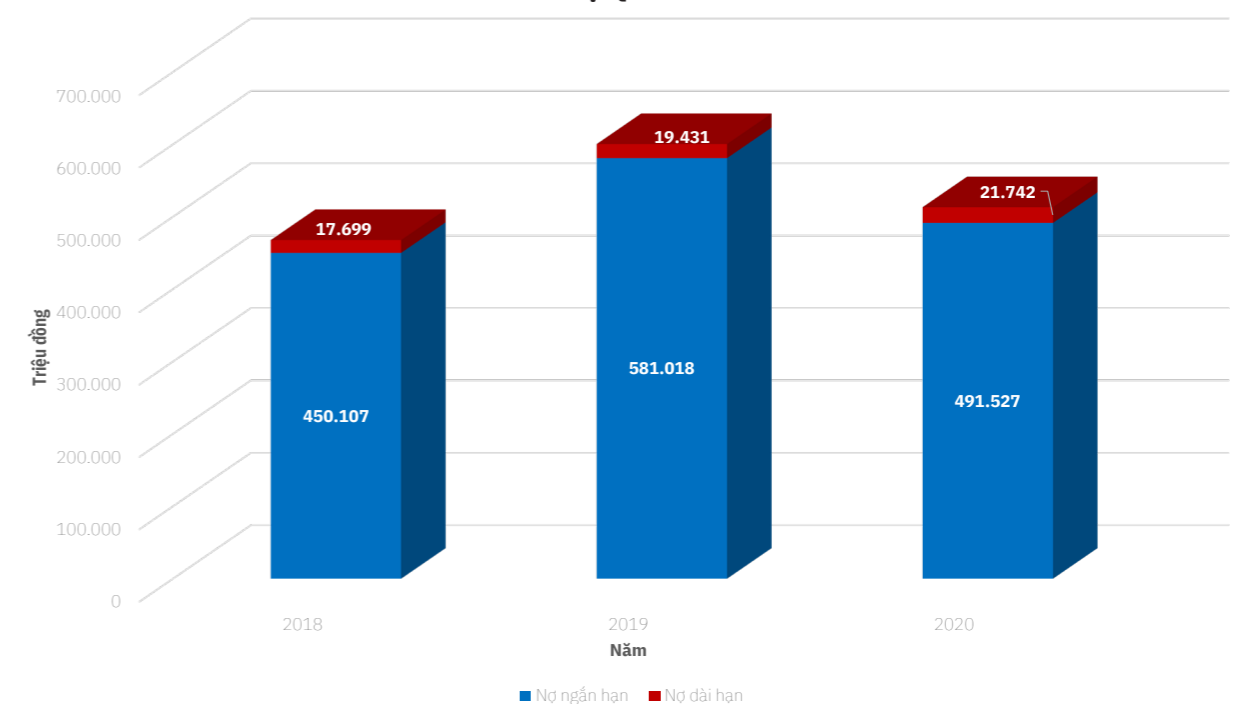
Tình hình nợ phải trả tại thời điểm 31/12/ 2020 của Công ty đã giảm từ 600 tỷ đồng trong năm 2019 xuống còn 513 tỷ đồng trong năm 2020. Nguyên nhân giảm chủ yếu đến từ khoản nợ ngắn hạn. Trong năm, nợ ngắn hạn đã giảm 89,49 tỷ so với năm 2019, chỉ tiêu phải trả khác ảnh hưởng lớn đến mức giảm khoản nợ ngắn hạn, cụ thể khoản phải trả Ngân hàng về khoản thanh toán L/C cho nhà cung cấp đã giảm mạnh với mức giảm hơn 161,635 tỷ so với đầu kỳ. Bên cạnh đó, khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn cũng ghi nhận mức giảm với mức giảm hơn 14,3 tỷ đồng so với đầu kỳ.

Nợ dài hạn trong năm 2020 của HMC cũng đã tăng thêm 11,89% so với năm 2019. Nguyên nhân của việc nợ dài hạn tăng là do trong năm HMC đã nhận ký quỹ, ký cược của các đơn vị đối tác để đảm bảo cho các dịch vụ liên quan đến sản xuất, kinh doanh được thực hiện đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết. Cụ thể nhận ký quỹ, ký cược tăng từ 19 tỷ trong năm 2019 lên 21 tỷ trong năm 2020.

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	581.018	96,76%	491.527	95,76%
Nợ dài hạn	19.431	3,24%	21.742	4,24%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>600.449</b>	<b>100,00%</b>	<b>513.268</b>	<b>100,00%</b>

### CƠ CẤU NỢ QUA CÁC NĂM





# NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

## Công tác tài chính

Cân đối hợp lý nguồn vốn vay và vốn tự có, tăng cường quản trị dòng tiền, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho kinh doanh.

Chi phí lãi vay năm 2020: 10,72 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,29%/doanh thu. So với thực hiện cùng kỳ năm 2019, chi phí lãi vay giảm 63,11%.

Chi phí lãi vay giảm chủ yếu do Công ty chuyển đổi hình thức mở L/C cho hàng nhập khẩu từ L/C at sight sang UPAS L/C và khai thác hàng nội địa bằng phương thức trả chậm thay vì phương thức trả ngay.  
Tình hình các khoản đầu tư tài chính:

## Công tác kinh doanh

Năm 2020 là một năm đầy biến động đối với ngành thép. Tuy nhiên, Công ty đã tận dụng tốt những cơ hội biến động của thị trường, lựa chọn thời điểm mua hàng, tăng cường tiêu thụ, nhờ vậy sản lượng tiêu thụ vượt 19% kế hoạch năm

Việc kinh doanh thép phế liệu, phôi thép, xi măng đã đóng góp vào sản lượng và hiệu quả của Công ty.  
Khó khăn và tồn tại:

- Nguồn cung thị trường thép giảm mạnh trong hai quý đầu năm 2020 do tác động của dịch Covid-19 đã đẩy giá thép tăng cao trong nửa cuối năm 2020. Đây vừa là cơ hội, vừa là khó khăn thách thức của Công ty trong việc lên kế hoạch mua hàng và tồn kho tối ưu để đem lại hiệu quả cao nhất.
- Việc cạnh tranh giữa các đơn vị thương mại trong nước về nguồn hàng nhập khẩu cũng như giá cả đầu vào, đầu ra ngày càng gay gắt, do đó biên độ lợi nhuận của các ngành hàng cũng giảm sút so với trước đây, đặc biệt là thép sai quy cách.

## Công tác nhân sự

- Tiến hành rà soát, sửa đổi nhằm hoàn thiện các quy chế nội bộ, đánh giá lại việc thực hiện các quy chế quy định đã ban hành và sửa đổi cho phù hợp hơn với thực tế. Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ để khắc phục những tồn tại và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.
- Tính đến tháng 12/2020, tổng số lao động của toàn Công ty là 189 người, trong đó lao động nam gồm 132 người, nữ là 57 người. Thu nhập của người lao động đã đạt 15.080.000 triệu đồng/người/tháng.
- Về tổ chức, vào tháng 29/10/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã có quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Tuấn làm Phó Tổng giám đốc, quyết định bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 01/11/2020.

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2021

## CHỈ TIÊU THỰC HIỆN

<b>Doanh thu:</b>	<b>3.454 tỷ đồng</b>
- Sản lượng tiêu thụ:	360.000 tấn
- Thép nhập khẩu:	100.000 tấn
- Thép sản xuất trong nước:	110.000 tấn
- Phôi, Phế liệu:	150.000 tấn
<b>Lợi nhuận sau thuế:</b>	<b>44 tỷ đồng</b>

## Kế hoạch đầu tư

Đầu tư mở rộng xưởng gia công thép tại Vĩnh Lộc: Dự kiến tổng mức đầu tư là 22 tỷ đồng, bao gồm:

- Nhà xưởng diện tích 1.440 m<sup>2</sup> có cầu trục 30T và 10T
- Dây chuyền máy xả cuộn từ 3 – 16mm.

## Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

### Công tác kinh doanh

Mặc dù thị trường năm 2021 dự kiến còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với mục tiêu phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra, Công ty triển khai các giải pháp sau:

- Bám sát thị trường, tăng cường công tác phân tích, dự báo thị trường, cân đối lượng hàng tồn kho hợp lý nhằm điều chỉnh kế hoạch mua vào để tối ưu hiệu quả.
- Tiếp tục theo dõi thị trường, tận dụng những cơ hội biến động của giá thép thế giới theo thời điểm để chào hàng xuất khẩu nhằm gia tăng sản lượng, nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn nhằm mang lại nguồn thu ngoại tệ đáp ứng nhu cầu thanh toán hàng nhập khẩu.
- Chọn thời điểm thị trường và giá cả phù hợp để giải phóng hàng tồn kho cũ lâu năm bên cạnh việc tạo nguồn hàng nhập khẩu mới, đặc biệt chú trọng tìm kiếm và tạo nguồn hàng SQC.
- Chú trọng bộ máy bán hàng, tăng cường nhân sự cho khâu bán hàng, chăm sóc khách hàng song song với việc tìm kiếm khách hàng mới.
- Để giảm bớt rủi ro trong việc bán hàng chậm trả, Công ty cố gắng tăng cường bán hàng có tài sản đảm bảo và giảm dư nợ tín chấp.
- Tích cực trao đổi thông tin giữa các đơn vị với các phòng ban nhằm linh hoạt về cơ chế giá để đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa.
- Tích cực liên kết với các đơn vị trong hệ thống để tìm kiếm cơ hội hợp tác, đa dạng hóa các mặt hàng kinh doanh, nâng cao sản lượng tiêu thụ.
- Xây dựng phương án kinh doanh thép chữ V cho từng tháng, có thể chấp nhận lỗ từng phần nhưng tổng thể phải có hiệu quả, phương án tối thiểu là 4.000 -5.500 tấn/ tháng.
- Tiếp tục phối hợp với các nhà sản xuất, các đơn vị để đẩy mạnh công tác tiêu thụ thép nội. Tăng cường công tác tiếp thị để đưa các sản phẩm vào công trình. Công ty sẽ bám sát tình hình tăng đầu tư công chính phủ vào lĩnh vực xây dựng cơ bản, nhằm tăng cường lượng hàng cho các dự án tại khu vực phía Nam.

## Công tác tài chính

- Tiếp tục sử dụng vốn hợp lý và khai thác hiệu quả hơn nguồn vốn tài trợ cho hoạt động SXKD; đa dạng hóa các mối quan hệ tín dụng và các sản phẩm tín dụng tại các ngân hàng để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư với chi phí thấp nhất.
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình biến động tỷ giá USD, có chính sách hợp lý trong việc thanh toán hàng nhập khẩu.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản trị công nợ, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy chế quản lý nợ. Thường xuyên rà soát nợ quá hạn khó đòi, có biện pháp phù hợp cho từng trường hợp để đạt hiệu quả thu hồi nợ tốt nhất.
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý chi phí, quản lý dòng tiền.
- Rà soát sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý công nợ, quy chế tài chính.

## Công tác đầu tư, kinh doanh bất động sản

- Chú trọng công tác sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hai tòa nhà và các tài sản khác của Công ty.
- Chú trọng việc quản lý sử dụng cơ sở nhà đất, đặc biệt đối với khu đất kho Linh Trung, Tp. Thủ Đức và Tô Hiến Thành quận 10 phải thực hiện hoàn thành sắp xếp lại theo Nghị định 167 của Chính Phủ.
- Tăng cường khai thác tòa nhà văn phòng cho thuê, hạn chế tối đa tình trạng mặt bằng trống. Nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc tốt khách hàng.

## Công tác tổ chức nhân sự, tiền lương:

- Thu nhập bình quân dự kiến năm 2021: 15,3 triệu đồng/người/tháng.
- Chuẩn bị nguồn nhân lực để bổ sung nhân sự quản lý cấp trung, chú trọng công tác tuyển dụng nhân sự bán hàng.
- Đào tạo nâng cao những kỹ năng cần thiết cho lao động chuyên môn, cán bộ diện quy hoạch đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Sửa đổi bổ sung quy chế tiền lương cho phù hợp.



**BÁO CÁO CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT/ TV HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Dương Trung Toàn	Chủ tịch HĐQT Chuyên trách	28/03/2018	
2	Ông Võ Trí Nghĩa	TV HĐQT- Tổng giám đốc	12/11/2019	
3	Ông Trương Bá Liêm	TV HĐQT - Phó Tổng giám đốc	29/03/2014	
4	Bà Cù Thị Thùy Linh	TV HĐQT- Không điều hành	28/03/2018	
5	Ông Phạm Mạnh Hùng	TV độc lập của HĐQT	04/04/2019	

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Thị trường thép năm 2020 ghi nhận nhiều biến động khó lường do ảnh hưởng bởi những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19. Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp vào đầu năm 2020 đã buộc các quốc gia trên thế giới phải thực hiện lệnh phong tỏa. Điều này đã làm gián đoạn và đứt gãy nguồn cung. Các doanh nghiệp sản xuất trong ngành thép buộc phải cắt giảm sản lượng sản xuất dẫn đến sự thiếu hụt nguồn cung ở giai đoạn nửa cuối năm 2020 khi mà các quốc gia đang nới dần lệnh phong tỏa và các biện pháp kích thích kinh tế được thực hiện. Điều này đã đẩy giá thép tăng cao trong những tháng cuối năm 2020.

Trong hoàn cảnh đó, Công ty có nhiều cố gắng tận dụng tốt những cơ hội biến động của thị trường lựa chọn thời điểm mua hàng, tăng cường tiêu thụ trên thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Các chỉ tiêu doanh thu, sản lượng đều hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Doanh thu thuần đạt 3.631 tỷ đồng, đạt 110,57% kế hoạch năm 2020, giảm 19,2% so năm 2019.
- Tổng sản lượng tiêu thụ đạt 414.366 tấn, bằng 119% kế hoạch năm và giảm 07% so với năm 2019
- Lợi nhuận trước thuế đạt 55,33 tỷ đồng tăng gấp 1,9 lần so với năm 2019.

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng giảm 2020/2019
Doanh thu thuần	4.493.957	3.630.935	-19,20%
Giá vốn hàng bán	4.415.300	3.464.395	-21,54%
Lợi nhuận từ HĐKD	78.657	166.540	111,73%
Lợi nhuận khác	4.633	-36.157	-880,42%
Lợi nhuận trước thuế	19.021	55.336	190,92%
Lợi nhuận sau thuế	11.401	37.926	232,65%

## ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Ban điều hành qua các nghị quyết, quyết định và các cuộc họp định kỳ. Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp giao ban và một số cuộc họp quan trọng của Công ty.

Ban điều hành đã triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành.

HĐQT đánh giá cao những nỗ lực của Ban điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020, một năm có nhiều biến động đối với ngành thép. Thể hiện qua việc Ban điều hành thực hiện các giải pháp điều hành linh hoạt và kịp thời. Các chỉ tiêu doanh thu, sản lượng đều hoàn thành vượt mức kế hoạch. Ban điều hành đã có các giải pháp kinh doanh hiệu quả để nắm bắt kịp thời cơ hội kinh doanh khi giá thép diễn biến thuận lợi, kết quả lợi nhuận sau thuế của Công ty đã tăng trưởng 233% so với năm 2019. Ban điều hành cần rút các bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch năm 2020 để có thêm các giải pháp tối ưu cho các hoạt động kinh doanh sắp tới.

## CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động theo đúng quyền hạn và trách nhiệm được pháp luật và điều lệ Công ty quy định.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh năm 2021 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Tăng cường công tác phối hợp giữa HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.
- Bám sát tình hình kinh tế trong nước, thế giới và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở đó phân tích, đánh giá để kịp thời có quyết sách chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục phát huy thế mạnh và vị thế sẵn có trên thị trường của các ngành hàng truyền thống; nâng cao giá trị gia tăng của các hàng hóa Công ty cung cấp ra thị trường; tìm kiếm, mở rộng kinh doanh thêm các ngành hàng mới.
- Chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra giám sát phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh, đảm bảo an toàn vốn. Chú trọng quản trị tài chính, tiết giảm chi phí nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty.
- Chú trọng việc nâng cao chất lượng lao động, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài của Công ty.
- Chỉ đạo việc bổ sung sửa đổi điều lệ và các quy chế quy định quản trị Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc để nâng cao sức sáng tạo, cống hiến, gắn bó của người lao động với Công ty.

# **BÁO CÁO QUẢN TRỊ**

## CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Dương Trung Toàn	8	100%	
2	Ông Võ Trí Nghĩa	8	100%	
3	Ông Trương Bá Liêm	8	100%	
4	Bà Cù Thị Thùy Linh	8	100%	
5	Ông Phạm Mạnh Hùng	7	88%	Gia đình có việc đột xuất

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn, đúng quy định.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 kỳ họp để xem xét, đánh giá và phê duyệt các vấn đề chủ yếu sau đây:

- Cuộc họp ngày 10/01/2020: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 4 và năm 2019; phương hướng nhiệm vụ công tác quý 1 và năm 2020; thông qua giao dịch với các công ty có liên quan và dự thảo quy chế công bố thông tin.
- Cuộc họp ngày 14/05/2020: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 4 tháng đầu năm 2020, phương hướng nhiệm vụ công tác quý 2 năm 2020; thông qua tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2020, quyết toán quỹ lương năm 2019 và hạn mức tín dụng tại các ngân hàng năm 2020.
- Cuộc họp ngày 24/07/2020: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 2 và 6 tháng đầu năm 2020; phương hướng nhiệm vụ công tác quý 3 năm 2020.
- Cuộc họp ngày 15/10/2020: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 3 và 9 tháng đầu năm 2020; phương hướng nhiệm vụ công tác quý 4 năm 2020.
- Các cuộc họp khác phê duyệt việc vay vốn các ngân hàng Vietinbank, Vietcombank, VP Bank...

Ngoài các cuộc họp định kỳ, để tiết kiệm thời gian và chi phí, một số vấn đề đã được HĐQT quyết định thông qua việc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản.

Tại các cuộc họp, các thành viên HĐQT đã tích cực thảo luận, tham gia ý kiến, thông qua các chủ trương, nhiệm vụ giao cho Ban điều hành thực hiện.

## CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM 2020

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
1	05/NQ-KK	17/01/2020	Chấp thuận giao dịch của Công ty với các Công ty có liên quan
2	10/NQ-KK	17/01/2020	Về đánh giá kết quả kinh doanh quý 04 và năm 2019; nhiệm vụ trọng tâm quý 01 và năm 2020
3	20/NQ-KK	10/02/2020	Về tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020
4	30/QĐ-KK	25/02/2020	Bổ sung Quy chế quản lý kinh doanh
5	31/QĐ-KK	26/02/2020	Ban hành Quy chế công bố thông tin
6	59/NQ-KK	23/03/2020	Về vay vốn tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
7	60/NQ-KK	25/03/2020	V/v hoãn tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020
8	67/NQ-KK	31/03/2020	Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản cố định
9	68/QĐ-KK	06/04/2020	Phê duyệt thông số kỹ thuật mua sắm xe nâng
10	69/NQ-KK	07/04/2020	Về vay vốn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
11	81/NQ-KK	05/05/2020	Hủy danh sách cổ đông chốt ngày 06/03/2020 và chốt lại danh sách cổ đông dự ĐHCĐ thường niên năm 2020
12	85/NQ-KK	22/05/2020	Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2020
13	86/NQ-KK	22/05/2020	Về đánh giá kết quả kinh doanh 04 tháng đầu năm 2020; nhiệm vụ trọng tâm quý 02 năm 2020
14	90/NQ-KK	27/05/2020	Về vay vốn các ngân hàng
15	94/NQ-KK	19/06/2020	Về chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2019
16	95/NQ-KK	19/06/2020	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020
18	99/QĐ-KK	09/07/2020	Về tạm dừng áp dụng Điều 6 Quy chế quản lý tài chính của Công ty
19	105/NQ-KK	24/07/2020	Về đánh giá kết quả kinh doanh quý 02 và 06 tháng đầu năm 2020; nhiệm vụ trọng tâm quý 03 năm 2020
20	134/QĐ-KK	28/09/2020	Về bổ sung quy chế quản lý kinh doanh điều khoản về chính sách chiết khấu
21	135/QĐ-KK	28/09/2020	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT
22	137/NQ-KK	06/10/2020	Thông qua chủ trương bổ nhiệm cán bộ
23	148/NQ-KK	29/10/2020	Về đánh giá kết quả kinh doanh quý 03 và 09 tháng đầu năm 2020; nhiệm vụ trọng tâm quý 04 năm 2020
24	146/QĐ-KK	29/10/2020	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc
25	155/NQ-KK	20/11/2020	Phê duyệt mức lương
26	157/NQ-KK	23/11/2020	Phê duyệt quyết toán hoàn thành mua sắm xe nâng
27	158/NQ-KK	23/11/2020	Phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ do HĐQT quản lý

## BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban	29/03/2014	4	100%
2	Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên	02/04/2016	4	100%
3	Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên	02/04/2016	4	100%

### Hoạt động của Ban Kiểm soát

Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020 và việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Kiểm tra, thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty và qua đó đề xuất những kiến nghị đến HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại Công ty.

Theo dõi công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty

Giám sát công tác quản lý công nợ và tình hình thực hiện các quy chế, quy định của Công ty

Tham gia góp ý xây dựng các quy chế quản trị của Công ty

Trưởng ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Công ty.

### Sự phối hợp hoạt động của BKS

Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý hỗ trợ, tạo điều kiện trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Ban kiểm soát phối hợp trao đổi với HĐQT và Ban Tổng giám đốc các thông tin về việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty. Các kiến nghị của Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Tổng giám đốc ghi nhận và xem xét điều chỉnh.

### Kết quả kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát

- Kết quả kinh doanh năm 2020

Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến đánh giá của Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban kiểm soát nhất trí với các ý kiến đánh giá tại báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về tình hình, kết quả hoạt động năm 2020 của Công ty.

- Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành

Các thành viên hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

HĐQT đã hoạt động tích cực, bám sát tình hình của Công ty. Hàng quý, HĐQT tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của Công ty theo nghị quyết đã đề ra, xác định nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo và thảo luận cùng Ban Giám đốc các giải pháp để thực hiện kế hoạch. Kịp thời chỉ đạo, xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua việc lấy ý kiến của các thành viên qua thư điện tử hoặc văn bản. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp chức năng, quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc bám sát triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, điều hành kinh doanh linh hoạt, tận dụng được cơ hội thị trường thép tăng giá những tháng cuối năm mang lại hiệu quả cao. Các chỉ tiêu lợi nhuận, doanh thu, sản lượng đều vượt mức kế hoạch đã đề ra. Việc cung cấp báo cáo phục vụ cho công tác giám sát của HĐQT đã được thực hiện tốt hơn.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

### Kiến nghị của Ban kiểm soát

Để duy trì và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty năm 2021, đề nghị ban điều hành tiếp tục tăng cường việc kiểm soát chi phí của Công ty; lưu ý công tác hậu kiểm đối với việc thực hiện các phương án kinh doanh; kiểm soát chặt chẽ các khoản công nợ; tăng dần tỷ lệ hàng bán trả chậm có bảo lãnh hoặc tài sản đảm bảo.

Trong năm 2020, ngành hàng thép nhập khẩu truyền thống vẫn được giữ vị trí chủ lực trong kết cấu lợi nhuận của Công ty song sản lượng tiêu thụ đã bị sụt giảm mạnh so với các năm trước. Đề nghị ban điều

hành xem xét đánh giá, có biện pháp cụ thể để phục hồi và tăng dần sản lượng tiêu thụ ngành hàng này.

### Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nội dung khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT.
- Kiểm soát một số nội dung cụ thể trong công tác quản lý tài chính và tình hình thực hiện các Quy chế quản lý kinh doanh, tài chính, công nợ của Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020, các báo cáo tài chính hàng quý năm 2021 của Công ty. Hàng quý lập báo cáo đánh giá hoạt động trong kỳ và đề xuất kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại Công ty.
- Theo dõi công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty.
- Phối hợp với các phòng chức năng kiểm tra một số nội dung cụ thể trong hoạt động của các đơn vị trực thuộc.
- Tham gia góp ý việc xây dựng, sửa đổi Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý của Công ty.

## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Họ và tên	Thù lao	Lương	Thưởng	Vay của Công ty
<b>Hội đồng quản trị</b>				
Dương Trung Toàn		791.100.000	1.500.000	
Trương Bá Liêm				
Cù Thị Thùy Linh	48.000.000			
Phạm Mạnh Hùng	48.000.000			
Võ Trí Nghĩa				
<b>Ban kiểm soát</b>				
Hoàng Lê Ánh		545.115.854	1.500.000	
Huỳnh Thị Lệ Nga	36.000.000			
Đoàn Thị Thanh Thúy	36.000.000			
<b>Ban điều hành</b>				
Võ Trí Nghĩa		738.710.057	375.000	
Trương Bá Liêm		749.720.000	2.000.000	
Nguyễn Thanh Tuấn <sup>(*)</sup>		451.560.789	1.500.000	

(\*) - TP.KDS1  
- P.TGD từ 01/11/2020

### Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Trương Bá Thanh	Anh ruột ông Trương Bá Liêm - TV HĐQT	24000	0,11%	0	0	Bán CP

### Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty hoặc với người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT.. thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam- VNSTEEL	Cty con của TCTy Thép VN - CTCP	05/NQ-KK-17/01/2020	712.413.055.601	Mua hàng hóa thường xuyên
2	Công ty CP Thép Thủ Đức - VNSTEEL	Cty con của TCTy Thép VN - CTCP	-nt-	1.624.614.288	Bán hàng hóa
3	Công ty CP Thép VICASA - VNSTEEL	Cty con của TCTy Thép VN - CTCP	-nt-	2.258.674.957	Mua hàng
4	Công ty CP Lưới Thép Bình Tây	Cty liên kết của TCTy Thép VN - CTCP	-nt-	16.058.334.630	Bán hàng hóa
5	Công ty TNHH Thép Tây Đô	Cty liên kết của TCTy Thép VN - CTCP	-nt-	52.651.463.260	Bán hàng hóa thường xuyên
6	Công ty TNHH VinaKyoiei	Cty liên kết của TCTy Thép VN - CTCP	-nt-	601.537.034.681	Mua hàng hóa thường xuyên
7	Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung	Cty liên kết của TCTy Thép VN - CTCP	-nt-	13.653.489.182	Bán hàng hóa
8	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Miền Nam	Cty liên kết của TCTy Thép VN - CTCP	-nt-	355.761.491	Bán hàng hóa
9	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	Công ty mẹ	-nt-	1.056.000.000	Thuê nhà xưởng, kho bãi
10	Công Ty CP Gang Thép Thái Nguyên (TISCO)	Cty con của TCTy Thép VN - CTCP	-nt-	28.050.000.000	Mua hàng hóa



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020**



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
(đã được kiểm toán)

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel  
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-44
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-44

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 01 tháng 10 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Trung Toán	Chủ tịch
Ông Trương Bá Liêm	Thành viên
Bà Cù Thị Thùy Linh	Thành viên
Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Võ Trí Nghĩa	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Trí Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Trương Bá Liêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên
Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Võ Trí Nghĩa  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2021

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được lập ngày 20 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

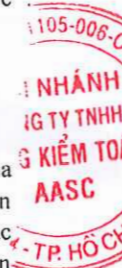
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021

Lê Kim Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0550-2018-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>764.582.565.837</b>	<b>825.634.408.247</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	13.874.736.655	22.689.595.611
111	1. Tiền		13.874.736.655	22.689.595.611
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	9.500.000.000	9.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		9.500.000.000	9.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		<b>271.082.528.255</b>	<b>320.147.313.836</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	293.887.509.812	361.011.998.872
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	13.029.968.650	480.780.091
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	23.584.209.620	9.822.836.962
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(59.419.159.827)	(51.168.302.089)
140	IV. Hàng tồn kho	09	<b>461.467.131.616</b>	<b>470.769.750.501</b>
141	1. Hàng tồn kho		468.329.775.057	493.131.747.058
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.862.643.441)	(22.361.996.557)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		<b>8.658.169.311</b>	<b>2.527.748.299</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	371.541.094	421.517.806
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.807.925.121	2.039.815.701
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	478.703.096	66.414.792
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>128.405.083.633</b>	<b>128.008.376.248</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		<b>278.000.000</b>	<b>307.400.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	278.000.000	307.400.000
220	II. Tài sản cố định		<b>28.275.089.622</b>	<b>30.827.381.272</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	18.248.342.893	20.610.244.259
222	- Nguyên giá		68.754.209.802	67.263.378.941
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(50.505.866.909)	(46.653.134.682)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.026.746.729	10.217.137.013
228	- Nguyên giá		12.339.454.427	12.339.454.427
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.312.707.698)	(2.122.317.414)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	<b>82.316.403.915</b>	<b>87.558.594.976</b>
231	- Nguyên giá		145.463.787.768	145.463.787.768
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(63.147.383.853)	(57.905.192.792)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	<b>17.135.000.000</b>	<b>9.315.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.000.000.000	37.000.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.865.000.000)	(27.685.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		<b>400.590.096</b>	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	400.590.096	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>892.987.649.470</b>	<b>953.642.784.495</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>513.268.476.037</b>	<b>600.448.626.817</b>
310	I. Nợ ngắn hạn		<b>491.526.555.177</b>	<b>581.017.635.531</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	83.976.252.587	90.443.863.284
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	19.513.940.884	1.422.446.689
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	13.285.932.575	6.693.622.241
314	4. Phải trả người lao động		25.580.711.524	3.306.704.663
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.549.749.187	3.180.419.592
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		65.340.806	159.715.410
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	171.815.443.133	286.751.515.470
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	170.637.956.872	184.957.937.742
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.101.227.609	4.101.410.440
330	II. Nợ dài hạn		<b>21.741.920.860</b>	<b>19.430.991.286</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	21.741.920.860	19.430.991.286
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>379.719.173.433</b>	<b>353.194.157.678</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	<b>379.719.173.433</b>	<b>353.194.157.678</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		37.225.230.000	37.225.230.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		62.435.503.997	62.435.503.997
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.773.466.830	1.773.466.830
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		68.284.972.606	41.759.956.851
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		30.358.905.782	30.358.905.782
421b	LNST chưa phân phối năm nay		37.926.066.824	11.401.051.069
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>892.987.649.470</b>	<b>953.642.784.495</b>

Lê Thúy Hằng  
Người lập

Lại Văn Quyền  
Kế toán trưởng

Võ Trí Nghĩa  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	3.636.002.967.062	4.494.163.879.676
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	5.067.542.052	206.763.050
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.630.935.425.010	4.493.957.116.626
11	4. Giá vốn hàng bán	24	3.464.395.420.479	4.415.300.316.221
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		166.540.004.531	78.656.800.405
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	18.587.625.973	18.781.715.564
22	7. Chi phí tài chính	26	5.112.133.996	27.994.312.856
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.719.947.172	29.064.007.723
25	8. Chi phí bán hàng	27	56.293.801.900	41.362.003.665
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	32.227.961.937	13.693.899.893
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		91.493.732.671	14.388.299.555
31	11. Thu nhập khác	29	1.495.916.793	4.747.331.852
32	12. Chi phí khác	30	37.653.177.565	114.278.951
40	13. Lợi nhuận khác		(36.157.260.772)	4.633.052.901
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		55.336.471.899	19.021.352.456
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	17.410.405.075	7.620.301.387
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		37.926.066.824	11.401.051.069
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.806	543



Lê Thúy Hằng  
Người lập

Lại Văn Quyền  
Kế toán trưởng

Võ Trí Nghĩa  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2020  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		55.336.471.899	19.021.352.456
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.484.570.258	10.222.458.804
03	- Các khoản dự phòng		(15.068.495.378)	(14.533.296.852)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(319.475.241)	(263.611.507)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.305.477.867)	12.654.588.580
06	- Chi phí lãi vay		10.719.947.172	29.064.007.723
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		57.847.540.843	56.165.499.204
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		34.601.478.064	(64.047.813.397)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		24.801.972.001	(24.181.459.304)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(82.849.407.153)	332.147.026.166
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(350.613.384)	(214.198.456)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.692.436.138)	(29.232.846.620)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.140.208.067)	(14.626.659.125)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(901.233.900)	(6.607.923.800)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		15.317.092.266	249.401.624.668
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.690.087.547)	(175.110.997)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		87.909.091	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(13.800.000.000)	(9.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		13.800.000.000	15.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	6.446.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.279.020.831	2.055.277.858
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		676.842.375	13.826.166.861

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.366.869.466.594	3.919.627.945.798
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.381.189.447.464)	(4.111.701.185.024)
36	3. Cộ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.488.809.000)	(73.473.153.050)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(24.808.789.870)</i>	<i>(265.546.392.276)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.814.855.229)	(2.318.600.747)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.689.595.611	25.008.114.683
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.727)	81.675
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>13.874.736.655</u>	<u>22.689.595.611</u>



Lê Thúy Hằng  
Người lập

Lại Văn Quyền  
Kế toán trưởng

Võ Trí Nghĩa  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 01 tháng 10 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 210.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 210.000.000.000 đồng; tương đương 21.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 189 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 204 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2020, do thị trường thép biến động giảm ở những tháng đầu năm nhưng tăng mạnh ở những tháng cuối năm nên mặc dù doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ sụt giảm 19,1% nhưng lợi nhuận trước thuế của Công ty đã tăng 190,9% so với năm trước.

Trong năm 2020, Công ty đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh các nghiệp vụ liên quan đến Bản án số 400/2020/HS-ST ngày 20/09/2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thực hiện dự án đầu tư, xây dựng khách sạn cao cấp, thương mại, dịch vụ, căn hộ cho thuê tại số 8-12 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37). Điều này dẫn tới chi phí khác năm 2020 tăng mạnh và chỉ tiêu lợi nhuận khác giảm mạnh so với cùng kỳ.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 5	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 7	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 11	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Miền Tây	Cần Thơ	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Công ty CP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Kho chứa hàng	Long An	Kho chứa hàng

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
  - + Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè (mã cổ phiếu TNB) được xác định theo giá đóng cửa bình quân của 30 giao dịch gần nhất (từ ngày 16/11/2020 đến ngày 31/12/2020);
  - + Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất (mã TNS) được xác định theo Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.



## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

## 2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 34 năm
- Quyền sử dụng đất	08 - 12 năm

## 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí vận chuyển, chi phí bán hàng... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền khách hàng trả trước cho dịch vụ thuê văn phòng, kho bãi của Công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## 2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.20 . Doanh thu

### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

## 2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

## 2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	823.399.424	470.352.314
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.051.337.231	22.219.243.297
	<b>13.874.736.655</b>	<b>22.689.595.611</b>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-
	<b>9.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.500.000.000</b>	<b>-</b>

Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,2%/năm đến 7,5%/năm.

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel  
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

N4-1  
II NI  
JNG 1  
NG K  
A  
110:

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mã chứng khoán	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>(19.865.000.000)</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>(27.685.000.000)</b>
- Công ty CP Thép Nhà Bè (TNSB) <sup>(1)</sup>	23.000.000.000	(5.865.000.000)	23.000.000.000	(13.685.000.000)
- Công ty Cổ phần Thép Tầm lá Thống Nhất (TNS) <sup>(2)</sup>	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
	<b>37.000.000.000</b>	<b>(19.865.000.000)</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>(27.685.000.000)</b>

(1) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè (mã cổ phiếu TNB) giao dịch trên thị trường UPCoM, được xác định theo giá đóng cửa bình quân từ ngày 16/11/2020 đến ngày 31/12/2020 và (giá trị hợp lý tại ngày 01/01/2020 được xác định theo giá đóng cửa bình quân từ ngày 20/11/2019 đến ngày 31/12/2019.)

(2) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thép Tầm lá Thống Nhất (mã TNS) đang được giao dịch trên thị trường UPCoM, tuy nhiên, Công ty không ước tính giá trị hợp lý của khoản đầu tư này theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2020 mà thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020. Tại ngày 31/12/2020, Công ty trích lập dự phòng cho toàn bộ giá trị đầu tư này.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Thép Nhà Bè (TNSB)	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Sản xuất, kinh doanh thép
- Công ty Cổ phần Thép Tầm lá Thống Nhất (TNS)	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	7,00%	7,00%	Sản xuất, kinh doanh thép tấm lá

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất	44.003.672.833	(44.003.672.833)	45.403.672.833	(45.403.672.833)
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	-	-	45.486.350.680	-
- CHIP MONG GROUP CO.,LTD	-	-	30.900.361.989	-
- Công ty TNHH MTV Thép Thành Ngộ	22.824.865.950	-	4.933.833.692	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xuất Nhập Khẩu Hồng Quyền	17.710.261.043	-	10.815.176.460	-
- Phải thu khách hàng khác	209.348.709.986	(15.415.486.994)	223.472.603.218	(5.764.629.256)
	<b>293.887.509.812</b>	<b>(59.419.159.827)</b>	<b>361.011.998.872</b>	<b>(51.168.302.089)</b>
	<b>44.059.839.590</b>	<b>(44.003.672.833)</b>	<b>91.065.684.712</b>	<b>(45.403.672.833)</b>

b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)

20

CHỈ  
DẪN  
TOÁN

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ CCM	12.800.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	229.968.650	-	480.780.091	-
	<b>13.029.968.650</b>	<b>-</b>	<b>480.780.091</b>	<b>-</b>

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	312.794.520	-	374.246.575	-
Tạm ứng	156.960.000	-	15.000.000	-
Ký cược, ký quỹ <sup>(1)</sup>	7.503.000.000	-	7.035.000.000	-
Chiết khấu sản lượng	1.795.622.646	-	1.650.823.320	-
Phải thu lãi ký quỹ	315.156.103	-	319.692.991	-
Phải thu lãi chậm trả	-	-	332.313.849	-
Chiết khấu thanh toán	499.502.547	-	32.124.900	-
Thuế TNDN được hoàn <sup>(2)</sup>	12.500.000.000	-	-	-
Phải thu khác	501.173.804	-	63.635.327	-
	<b>23.584.209.620</b>	<b>-</b>	<b>9.822.836.962</b>	<b>-</b>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	278.000.000	-	307.400.000	-
	<b>278.000.000</b>	<b>-</b>	<b>307.400.000</b>	<b>-</b>
c) Trong đó: Phải	<b>7.814.658.650</b>	<b>-</b>	<b>7.684.131.740</b>	<b>-</b>

thu khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)

<sup>(1)</sup> Khoản ký quỹ, ký cược tại thời điểm 31/12/2020 gồm khoản Công ty ký quỹ 7 tỷ đồng cho Công ty TNHH Thép Vina Kyoei để đảm bảo thực hiện hợp đồng số 01/19/HĐ ngày 12/12/2018 và phụ lục hợp đồng số 01/2020/PLHĐ/VKS-VNM ngày 24/11/2020.

<sup>(2)</sup> Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	44.003.672.833	-	45.403.672.833	-
- Công ty TNHH Việt Quang	12.106.307.711	6.053.153.855	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Quang Trung	2.602.428.950	674.283.732	2.752.428.950	1.305.251.172
- Các khoản khác	13.954.557.561	6.520.369.641	9.789.507.609	5.472.056.131
	<u>72.666.967.055</u>	<u>13.247.807.228</u>	<u>57.945.609.392</u>	<u>6.777.307.303</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	10.511.559.490	-	41.850.438.168	-
Nguyên liệu, vật liệu	44.211.454	-	52.446.318	-
Hàng hoá	457.774.004.113	(6.862.643.441)	451.228.862.572	(22.361.996.557)
	<u>468.329.775.057</u>	<u>(6.862.643.441)</u>	<u>493.131.747.058</u>	<u>(22.361.996.557)</u>

QUA  
HÀNG C  
001

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel  
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
Số dư đầu năm	28.440.778.414	30.694.479.394	6.261.625.010	888.795.292	977.700.831	67.263.378.941	1.143.000.000	547.087.547	(199.256.686)	68.754.209.802	46.653.134.682	20.610.244.259
- Mua trong năm	-	-	1.143.000.000	-	-	-	-	-	-	-	4.051.988.913	18.248.342.893
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	547.087.547	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(199.256.686)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(199.256.686)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>28.987.865.961</u>	<u>30.495.222.708</u>	<u>7.404.625.010</u>	<u>888.795.292</u>	<u>977.700.831</u>	<u>67.263.378.941</u>	<u>1.143.000.000</u>	<u>547.087.547</u>	<u>(199.256.686)</u>	<u>68.754.209.802</u>	<u>46.653.134.682</u>	<u>20.610.244.259</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Số dư đầu năm	16.075.238.976	25.378.728.319	3.553.316.815	668.149.741	977.700.831	46.653.134.682	1.143.000.000	547.087.547	(199.256.686)	68.754.209.802	46.653.134.682	20.610.244.259
- Khấu hao trong năm	1.214.678.194	2.140.805.964	606.434.096	90.070.659	90.070.659	4.051.988.913	547.087.547	(199.256.686)	-	68.754.209.802	4.051.988.913	18.248.342.893
- Thanh lý, nhượng bán	-	(199.256.686)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>17.289.917.170</u>	<u>27.320.277.597</u>	<u>4.159.750.911</u>	<u>758.220.400</u>	<u>977.700.831</u>	<u>50.704.318.595</u>	<u>1.143.000.000</u>	<u>547.087.547</u>	<u>(199.256.686)</u>	<u>137.504.009.602</u>	<u>50.704.318.595</u>	<u>38.858.587.152</u>
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày đầu năm	12.365.539.438	5.315.751.075	2.708.308.195	220.645.551	977.700.831	20.601.244.259	1.143.000.000	547.087.547	(199.256.686)	68.754.209.802	20.601.244.259	38.858.587.152
Tại ngày cuối năm	<u>11.697.948.791</u>	<u>3.174.945.111</u>	<u>3.244.874.099</u>	<u>130.574.892</u>	<u>977.700.831</u>	<u>18.547.325.664</u>	<u>1.143.000.000</u>	<u>547.087.547</u>	<u>(199.256.686)</u>	<u>137.504.009.602</u>	<u>18.547.325.664</u>	<u>38.858.587.152</u>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.964.498.619 đồng.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	11.835.454.427	504.000.000	12.339.454.427
Số dư cuối năm	<u>11.835.454.427</u>	<u>504.000.000</u>	<u>12.339.454.427</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.618.317.414	504.000.000	2.122.317.414
- Khấu hao trong năm	190.390.284	-	190.390.284
Số dư cuối năm	<u>1.808.707.698</u>	<u>504.000.000</u>	<u>2.312.707.698</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	10.217.137.013	-	10.217.137.013
Tại ngày cuối năm	<u>10.026.746.729</u>	<u>-</u>	<u>10.026.746.729</u>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 504.000.000 đồng.

(\*) Đây là Quyền sử dụng đất của Công ty tại các địa điểm sau:

- Lô C35/1 Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Đường Số 7, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh;
- Số 24. 26. 28 đường số 12. Khu phố 4. Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Chi phí xây dựng tòa nhà	Thiết bị	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	118.482.444.108	26.981.343.660	145.463.787.768
Số dư cuối năm	<u>118.482.444.108</u>	<u>26.981.343.660</u>	<u>145.463.787.768</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	35.429.347.752	22.475.845.040	57.905.192.792
- Khấu hao trong năm	3.593.513.244	1.648.677.817	5.242.191.061
Số dư cuối năm	<u>39.022.860.996</u>	<u>24.124.522.857</u>	<u>63.147.383.853</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	83.053.096.356	4.505.498.620	87.558.594.976
Tại ngày cuối năm	<u>79.459.583.112</u>	<u>2.856.820.803</u>	<u>82.316.403.915</u>

Thông tin chi tiết về bất động sản đầu tư cho thuê:

- Bất động sản đầu tư của Công ty là hai tòa nhà cho thuê tại địa chỉ số 193, Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và tại số 189, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn đang cho thuê là: 6.701.130.450 đồng.
- Trong năm, doanh thu phát sinh từ hoạt động cho thuê các bất động sản đầu tư là 42.799.192.077 đồng (năm 2019 là 41.111.086.916 đồng).
- Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2020. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê văn phòng, thuê đất, thuê tài sản	22.500.000	69.600.000
Phí phát hành bảo lãnh thanh toán	349.041.094	351.917.806
	<u>371.541.094</u>	<u>421.517.806</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Phí phát hành bảo lãnh thanh toán	400.590.096	-
	<u>400.590.096</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel  
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Da Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Cheongfuli (Xiamen) Co.,LTD	-	-	20.658.532.326	20.658.532.326
- HANGZHOU COGENERATION (HONG KONG)	-	-	11.397.177.658	11.397.177.658
- Smart Timing Steel Limited	-	-	9.794.728.184	9.794.728.184
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoel	68.465.597.750	68.465.597.750	16.465.310.218	16.465.310.218
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	2.896.217.567	2.896.217.567	28.978.068.614	28.978.068.614
- Duferco Asia Pre. LTD	9.681.441.206	9.681.441.206	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	2.932.996.064	2.932.996.064	3.150.046.284	3.150.046.284
	<b>83.976.252.587</b>	<b>83.976.252.587</b>	<b>90.443.863.284</b>	<b>90.443.863.284</b>
	<b>71.761.671.533</b>	<b>71.761.671.533</b>	<b>45.587.378.832</b>	<b>45.587.378.832</b>

b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 39)

**15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Sắt thép Hồng Khanh	-	300.209.900
- Đỗ Thị Hà	-	599.604.000
- Công ty TNHH Thành Lợi	6.512.948.004	-
- Công ty TNHH Thương mại Koizumi Việt Nam	3.448.582.800	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Hoàng Kim	1.630.651.899	-
- Công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Thành Trung	1.600.000.000	-
- Công ty TNHH Đắc Lộc	1.070.000.000	-
- Công ty Cổ phần Kết Cấu Thép ATAD	1.039.308.600	-
- Phải trả các đối tượng khác	4.212.449.581	522.632.789
	<b>19.513.940.884</b>	<b>1.422.446.689</b>

26  
H.H.M.

M.S.C.N: 01

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel  
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Da Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	6.517.917.710	67.096.172.567	72.651.834.387	-	962.255.890				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	175.704.531	17.410.405.075	7.140.208.067	-	10.445.901.539				
Thuế Thu nhập cá nhân	66.414.792	-	1.316.117.276	1.728.405.580	478.703.096	-				
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	13.671.839.985	11.794.064.839	-	1.877.775.146				
Các loại thuế khác	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	142.177.565	142.177.565	-	-				
	<b>66.414.792</b>	<b>6.693.622.241</b>	<b>99.648.712.468</b>	<b>93.468.690.438</b>	<b>478.703.096</b>	<b>13.285.932.575</b>				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	267.995.821	240.484.787
- Trích trước chi phí tiền điện, nước	28.000.000	22.500.000
- Trích trước chi phí giám định, giao nhận hàng hóa	504.714.650	707.771.343
- Tiền lãi ký quỹ của nhân viên bán hàng	359.850.822	169.791.791
- Trích trước chi phí giao dịch UPAS L/C	579.694.945	1.456.068.534
- Trích trước chi phí giao dịch cho nhân viên bán hàng	575.210.816	483.803.137
- Chi phí phải trả khác	234.282.133	100.000.000

**2.549.749.187**      **3.180.419.592**

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.626.610.568	7.095.686.057
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	78.532.900	67.341.900
- Phải trả các ngân hàng về khoản thanh toán L/C cho nhà cung cấp <sup>(1)</sup>	117.551.910.090	279.186.185.665
- Lợi nhuận phải nộp ngân sách nhà nước từ thực hiện dự án đầu tư xây dựng khách sạn cao cấp, thương mại, dịch vụ, căn hộ cho thuê tại số 8-12 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh <sup>(2)</sup>	50.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	558.389.575	402.301.848
	<b>171.815.443.133</b>	<b>286.751.515.470</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	21.741.920.860	19.430.991.286
	<b>21.741.920.860</b>	<b>19.430.991.286</b>
<b>c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)</i>	<b>144.000.000</b>	<b>144.000.000</b>

<sup>(1)</sup> Đây là giá trị các bộ chứng từ mà các Ngân hàng đã thanh toán cho các nhà cung cấp của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2020, các khoản tài trợ thương mại này vẫn chưa đến hạn thanh toán.

<sup>(2)</sup> Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.

171 - 2020

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel  
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

19 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh <sup>(1)</sup>	55.277.181.080	55.277.181.080	963.244.108.421	964.237.729.572	54.283.559.929	54.283.559.929
- Ngân hàng TMCP Dầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh <sup>(2)</sup>	89.099.462.295	89.099.462.295	1.908.293.376.626	1.885.476.921.020	111.915.917.901	111.915.917.901
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	40.581.294.367	40.581.294.367	459.905.889.497	500.487.183.864	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hồ Chí Minh <sup>(3)</sup>	-	-	4.438.479.042	-	4.438.479.042	4.438.479.042
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	23.943.741.008	23.943.741.008	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Chợ Lớn	-	-	7.043.872.000	7.043.872.000	-	-
	<b>184.957.937.742</b>	<b>184.957.937.742</b>	<b>3.366.869.466.594</b>	<b>3.381.189.447.464</b>	<b>170.637.956.872</b>	<b>170.637.956.872</b>



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 20.3500078/2020-HĐCVHM/NHCT900-KIMKHI ngày 11/09/2020 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 400 tỷ đồng; Thời hạn của hạn mức đến ngày 31/08/2021;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn cho vay: ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 54.283.559.929 đồng;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/94697/HĐTD ngày 24/09/2020 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 800 tỷ đồng. Thời hạn của hạn mức đến 31/08/2021;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C;
  - + Thời hạn cho vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể/ cam kết bảo lãnh L/C được mở;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 111.915.917.901 đồng;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (3) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 086/2020/HĐHM/CIB ngày 19/3/2020 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng, Thời hạn của hạn mức là 12 tháng tính từ ngày phát sinh nghĩa vụ tín dụng đầu tiên;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; bảo lãnh, mở L/C;
  - + Thời hạn cho vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.438.479.042 đồng;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CHỈ ĐÃ

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel  
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	37.225.230.000	62.435.503.997	1.773.466.830	108.186.360.190	419.620.561.017	-	-	11.401.051.069	11.401.051.069	11.401.051.069	419.620.561.017
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	(73.500.000.000)	(73.500.000.000)	(73.500.000.000)	11.401.051.069
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.327.454.408)	(4.327.454.408)	(4.327.454.408)	(73.500.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.327.454.408)	(4.327.454.408)	(4.327.454.408)	(4.327.454.408)
Số dư cuối năm trước	210.000.000.000	37.225.230.000	62.435.503.997	1.773.466.830	108.186.360.190	419.620.561.017	11.401.051.069	11.401.051.069	(73.500.000.000)	(73.500.000.000)	(73.500.000.000)	353.194.157.678
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	37.225.230.000	62.435.503.997	1.773.466.830	108.186.360.190	419.620.561.017	11.401.051.069	11.401.051.069	(73.500.000.000)	(73.500.000.000)	(73.500.000.000)	353.194.157.678
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	37.926.066.824	37.926.066.824	37.926.066.824	37.926.066.824
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(901.051.069)	(901.051.069)	(901.051.069)	(901.051.069)
Số dư cuối năm nay	210.000.000.000	37.225.230.000	62.435.503.997	1.773.466.830	108.186.360.190	419.620.561.017	11.401.051.069	11.401.051.069	27.426.066.824	27.426.066.824	27.426.066.824	379.719.173.433

**VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 93/NQ-KK ngày 12/06/2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00	11.401.051.069
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7,90	901.051.069
Chí trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 500 đồng)	92,10	10.500.000.000

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	55,67	116.905.700.000	55,67	116.905.700.000
- Ông Trần Linh Phong	0,24	500.000.000	5,04	10.580.000.000
- Bà Nguyễn Thúy Ly	10,81	22.698.200.000	0,00	-
- Các cổ đông khác	33,28	69.896.100.000	39,29	82.514.300.000
	<b>100</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>210.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	67.341.900	40.494.950
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	10.500.000.000	73.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(10.488.809.000)	(73.473.153.050)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	78.532.900	67.341.900

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	62.435.503.997	62.435.503.997
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.773.466.830	1.773.466.830
	<b>64.208.970.827</b>	<b>64.208.970.827</b>

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm tại phường Linh Trung, quận Thủ Đức có thời hạn từ năm 2015 đến năm 2020 để sử dụng với mục đích làm kho bãi và thuê đất tại số 193 Đinh Tiên Hoàng, số 189 Nguyễn Thị Minh Khai - Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 đến năm 2046 để đầu tư văn phòng cho thuê. Tổng diện tích các khu đất thuê là 66.527,7 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng để xin gia hạn thuê đất tại phường Linh Trung, quận Thủ Đức.

**b) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty cho thuê văn phòng tại tòa nhà 193 Đinh Tiên Hoàng và 189 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng thuê cho hoạt động. Vào ngày 31/12/2020, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
- Từ 1 năm trở xuống	47.306.949.192	36.701.953.343
- Trên 1 năm đến 5 năm	145.727.876.443	99.949.780.388
- Trên 5 năm	199.363.049	3.944.221.411

**c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.659,41	809.655,59
- Đồng Euro (EUR)	202,04	202,04

**d) Vàng tiền tệ**

	31/12/2020	01/01/2020
Vàng tiền tệ (Chí)	30,00	-

**e) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
- Nợ khó đòi đã xử lý	39.376.373.107	39.063.033.194
	<b>39.376.373.107</b>	<b>39.063.033.194</b>

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.567.693.887.905	4.427.993.942.242
Doanh thu cung cấp dịch vụ	68.309.079.157	66.169.937.434
	<b>3.636.002.967.062</b>	<b>4.494.163.879.676</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)	<b>77.040.413.415</b>	<b>249.347.304.495</b>

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	93.647.920	-
Hàng bán bị trả lại	4.973.894.132	206.763.050
	<b>5.067.542.052</b>	<b>206.763.050</b>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.445.896.761.321	4.395.069.454.571
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.998.012.274	18.701.851.366
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.499.353.116)	1.529.010.284
	<b>3.464.395.420.479</b>	<b>4.415.300.316.221</b>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.067.568.776	828.661.420
Chiết khấu thanh toán	2.654.312.529	2.561.732.703
Lãi bán hàng trả chậm	8.050.148.970	9.019.027.164
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.150.000.000	1.150.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.470.514.854	4.412.426.219
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	319.475.241	263.611.507
Doanh thu hoạt động tài chính khác	875.605.603	546.256.551
	<b>18.587.625.973</b>	<b>18.781.715.564</b>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)	<b>5.492.039.510</b>	<b>5.993.047.261</b>

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.719.947.172	29.064.007.723
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.837.480.256	1.633.548.959
Hoàn nhập chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	(7.820.000.000)	(2.875.000.000)
Chi phí tài chính khác	374.706.568	171.756.174
	<b>5.112.133.996</b>	<b>27.994.312.856</b>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	730.860.255	856.665.448
Chi phí nhân công	35.774.198.880	22.480.784.114
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.694.567.562	3.367.857.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.785.053.107	9.563.004.945
Chi phí khác bằng tiền	6.309.122.096	5.093.692.086
	<b>56.293.801.900</b>	<b>41.362.003.665</b>

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	323.480.667	345.506.258
Chi phí nhân công	15.438.984.722	3.361.933.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.632.144	277.874.564
Chi phí dự phòng	8.250.857.738	1.445.942.864
Thuế, phí, và lệ phí	122.555.617	98.371.233
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.307.725.015	4.506.151.327
Chi phí khác bằng tiền	4.494.726.034	3.658.120.407
	<b>32.227.961.937</b>	<b>13.693.899.893</b>

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	87.909.091	-
Giá trị hàng thừa nhập kho	621.796.927	1.706.974.158
Tiền phạt, tiền bồi thường, phí tàu giã thu được	598.411.740	1.844.922.684
Thu hồi nợ khó đòi đã xử lý	-	212.800.000
Thu nhập khác	187.799.035	982.635.010
	<b>1.495.916.793</b>	<b>4.747.331.852</b>

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Hoàn nhập trích trước tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất	-	(98.207.034)
Các khoản phạt hành chính, truy thu chậm nộp thuế	153.177.565	202.538.602
Lợi nhuận phải nộp ngân sách nhà nước từ thực hiện dự án đầu tư, xây dựng khách sạn cao cấp, thương mại, dịch vụ, căn hộ cho thuê tại số 8-12 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (*)	50.000.000.000	-
Thuế TNDN của lợi nhuận thực hiện dự án đầu tư, xây dựng khách sạn cao cấp, thương mại, dịch vụ, căn hộ cho thuê tại số 8-12 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh được hoàn (*)	(12.500.000.000)	-
Chi phí khác	-	9.947.383
	<b>37.653.177.565</b>	<b>114.278.951</b>

(\*) Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37.

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	55.336.471.899	19.021.352.456
Các khoản điều chỉnh tăng	37.785.181.292	19.006.409.262
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.150.000.000)	(1.150.081.675)
Thu nhập chịu thuế TNDN	91.971.653.191	36.877.680.043
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>18.394.330.638</b>	<b>7.375.536.009</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(983.925.563)	244.765.378
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	175.704.531	7.182.062.269
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(7.140.208.067)	(14.626.659.125)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh</b>	<b>10.445.901.539</b>	<b>175.704.531</b>

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	37.926.066.824	11.401.051.069
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	37.926.066.824	11.401.051.069
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	21.000.000	21.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.806</b>	<b>543</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.174.122.960	1.358.126.869
Chi phí nhân công	64.012.392.664	27.574.652.027
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.484.570.258	10.222.458.804
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	8.250.857.738	1.445.942.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.555.993.639	24.727.929.739
Chi phí khác bằng tiền	11.134.670.979	8.951.255.280
	<b>124.612.608.238</b>	<b>74.280.365.583</b>

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.874.736.655	-	22.689.595.611	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	317.749.719.432	(59.419.159.827)	371.142.235.834	(51.168.302.089)
Các khoản cho vay	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-
Đầu tư dài hạn	37.000.000.000	(19.865.000.000)	37.000.000.000	(27.685.000.000)
	<b>378.124.456.087</b>	<b>(79.284.159.827)</b>	<b>440.331.831.445</b>	<b>(78.853.302.089)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	170.637.956.872	184.957.937.742
Phải trả người bán, phải trả khác	277.533.616.580	396.626.370.040
Chi phí phải trả	2.549.749.187	3.180.419.592
	<b>450.721.322.639</b>	<b>584.764.727.374</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Dầu tư dài hạn	-	-	17.135.000.000	17.135.000.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>17.135.000.000</u>	<u>17.135.000.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Dầu tư dài hạn	-	-	9.315.000.000	9.315.000.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>9.315.000.000</u>	<u>9.315.000.000</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.874.736.655	-	-	13.874.736.655
Phải thu khách hàng, phải thu khác	258.052.559.605	278.000.000	-	258.330.559.605
Các khoản cho vay	9.500.000.000	-	-	9.500.000.000
	<u>281.427.296.260</u>	<u>278.000.000</u>	<u>-</u>	<u>281.705.296.260</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.689.595.611	-	-	22.689.595.611
Phải thu khách hàng, phải thu khác	319.666.533.745	307.400.000	-	319.973.933.745
Các khoản cho vay	9.500.000.000	-	-	9.500.000.000
	<u>351.856.129.356</u>	<u>307.400.000</u>	<u>-</u>	<u>352.163.529.356</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Vay và nợ	170.637.956.872	-	-	170.637.956.872
Phải trả người bán, phải trả khác	255.791.695.720	21.741.920.860	-	277.533.616.580
Chi phí phải trả	2.549.749.187	-	-	2.549.749.187
	<u>428.979.401.779</u>	<u>21.741.920.860</u>	<u>-</u>	<u>450.721.322.639</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Vay và nợ	184.957.937.742	-	-	184.957.937.742
Phải trả người bán, phải trả khác	377.195.378.754	19.430.991.286	-	396.626.370.040
Chi phí phải trả	3.180.419.592	-	-	3.180.419.592
	<u>565.333.736.088</u>	<u>19.430.991.286</u>	<u>-</u>	<u>584.764.727.374</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.366.869.466.594	3.919.627.945.798
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(3.381.189.447.464)	(4.111.701.185.024)

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

37 . THÔNG TIN KHÁC

Tháng 10/2010, Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel (trước đây là Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố) cùng với bốn (04) Công ty khác được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đồng ý phương án lập Công ty Cổ phần (sau này là Công ty Cổ phần Đầu tư Laveneu) để thực hiện đầu tư dự án xây dựng khách sạn tiêu chuẩn năm sao và có một phần trung tâm thương mại tại khu đất 8 - 12 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, với giá trị vốn góp là 12,5 tỷ đồng. Ngày 29/10/2010, bốn Công ty (bao gồm Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel) đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Laveneu cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô, với giá trị chuyển nhượng là 62,5 tỷ đồng / mỗi Công ty.

Theo kiến nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ gửi cho Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 645/KL-TTCP ngày 04/05/2018 về việc thanh tra việc thực hiện dự án đầu tư, xây dựng khách sạn cao cấp, thương mại, dịch vụ, căn hộ cho thuê tại số 8-12 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thu hồi toàn bộ khu đất này để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định. Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel cùng với ba (03) Công ty tham gia góp vốn có trách nhiệm hoàn trả lại 50 tỷ đồng cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh đô (Kido) do chuyển nhượng quyền đầu tư dự án không đúng quy định. Tuy nhiên, tại kết luận này cũng nêu: "Trường hợp có tranh chấp liên quan đến số tiền trên yêu cầu các công ty khởi kiện ra tòa theo pháp luật dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình".

Theo Bản án số 400/2020/HS-ST ngày 20/09/2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thực hiện dự án đầu tư, xây dựng khách sạn cao cấp, thương mại, dịch vụ, căn hộ cho thuê tại số 8-12 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh kết luận rằng liên quan đến Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel trong phần dân sự của bản án có tuyên "Buộc Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh nộp lại số tiền 50 tỷ đồng để tịch thu ngân sách Nhà nước". Bên cạnh đó, bản án cũng nêu "Mỗi công ty đều đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định là 12,5 tỷ đồng, do đó 4 công ty trên được quyền liên hệ với chi cục thuế Quận 1 để hạch toán lại số tiền thuế trên".

006  
ÁNH  
TINH  
EM T  
SC  
HỒ

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel  
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng		Hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi		Các hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.562.626.345.853	67.629.171.790	67.629.171.790	-	679.907.367	3.630.935.425.010	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	132.228.937.648	34.311.066.883	34.311.066.883	-	-	166.540.004.531	-	-
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.690.087.547	-	-	-	-	1.690.087.547	-	-
Tài sản bộ phận	715.741.815.202	86.541.822.713	86.541.822.713	-	-	802.283.637.915	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	90.704.011.555	-	-
Tổng tài sản	715.741.815.202	86.541.822.713	86.541.822.713	-	-	892.987.649.470	-	-
Nợ phải trả bộ phận	227.779.441.193	18.097.575.479	18.097.575.479	-	-	245.877.016.672	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	267.391.459.365	-	-
Tổng nợ phải trả	227.779.441.193	18.097.575.479	18.097.575.479	-	-	513.268.476.037	-	-
Theo khu vực địa lý	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng cộng các bộ phận			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	VND		VND		VND		VND	
Tài sản bộ phận	3.507.839.541.436	892.987.649.470	892.987.649.470	-	123.095.883.574	3.630.935.425.010	-	-
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.690.087.547	-	-	-	-	1.690.087.547	-	-

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ Phần Kim Khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	Cùng Công ty mẹ. Đến ngày 19/5/2020, Công ty mẹ đã thoái toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty này.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Miền Nam	Cùng Công ty mẹ. Đến ngày 28/5/2020, Công ty mẹ đã thoái toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty này.
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty TNHH Gia công Và Dịch vụ Thép Sài Gòn	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>77.040.413.415</b>	<b>249.347.304.495</b>
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	1.476.922.080	1.370.615.499
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	47.864.966.600	108.493.278.240
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	-	97.679.427.824
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	-	754.736.245
- Công ty Cổ Phần Kim Khí Miền Trung	12.409.418.633	6.769.391.266
- Công ty Cổ Phần Lưới Thép Bình Tây	14.598.759.865	34.279.855.421
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Miền Nam	323.419.537	-
- Công ty TNHH Gia công Và Dịch vụ Thép Sài Gòn	366.926.700	-
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>1.219.336.884.811</b>	<b>1.119.741.829.494</b>
- Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	-	10.584.785.787
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	643.782.883.945	636.197.529.790
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	960.000.000	960.000.000
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	546.851.849.710	471.999.513.917
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	25.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	2.053.340.870	-
- Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam	188.810.286	-
<b>Thu nhập từ lãi chậm trả</b>	<b>1.210.021.378</b>	<b>1.934.678.707</b>
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	1.210.021.378	1.934.678.707

<b>Thu nhập từ chiết khấu thanh toán, lãi ký quỹ</b>	<b>3.132.018.132</b>	<b>2.908.368.554</b>
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	2.660.555.020	2.439.339.063
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	471.463.112	469.029.491
<b>Nhận cổ tức</b>	<b>1.150.000.000</b>	<b>1.150.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel	1.150.000.000	1.150.000.000
<b>Chi trả cổ tức</b>	<b>5.845.285.000</b>	<b>40.916.995.000</b>
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	5.845.285.000	40.916.995.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>44.059.839.590</b>	<b>91.065.684.712</b>
- Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất	44.003.672.833	45.403.672.833
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	-	45.486.350.680
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	56.166.757	175.661.199
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>814.658.650</b>	<b>684.131.740</b>
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	499.502.547	32.124.900
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	315.156.103	319.692.991
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	-	332.313.849
<b>Ký cược, ký quỹ</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>	<b>71.617.671.533</b>	<b>45.443.378.832</b>
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	68.465.597.750	16.465.310.218
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	2.896.217.567	28.978.068.614
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	255.856.216	-
<b>Nhận ký cược, ký quỹ</b>	<b>144.000.000</b>	<b>144.000.000</b>
- Công ty Cổ Phần Lưới Thép Bình Tây	144.000.000	144.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	738.710.057	1.085.045.000
- Đặng Huy Hiệp	-	978.545.000
- Võ Trí Nghĩa	738.710.057	106.500.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.797.390.789	1.976.729.655
- Dương Trung Toàn	791.100.000	908.314.655
- Lê Văn Hồng	-	12.521.739
- Phạm Mạnh Hùng	48.000.000	35.478.261
- Cù Thị Thùy Linh	48.000.000	48.000.000
- Trương Bá Liêm	749.720.000	972.415.000
- Nguyễn Thanh Tuấn	160.570.789	-

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

  
Lê Thúy Hằng  
Người lập

  
Lại Văn Quyền  
Kế toán trưởng

  
Võ Trí Nghĩa  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2021



**TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2021**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**


**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**VÕ TRÍ NGHĨA**